



Nghiên cứu chính sách:

Vận dụng các quy tắc và tiêu chuẩn quốc tế về
quyền con người

nhằm củng cố
khung pháp luật
về dân số của Việt Nam



LỜI CẢM ƠN

Báo cáo nghiên cứu chính sách này được xây dựng thông qua hợp tác giữa Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam và Chương trình Sức khỏe toàn cầu và quyền con người, Viện Sức khỏe Toàn Cầu, Trường đại học Nam California.

Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam chân thành cảm ơn Giáo sư Sofia Gruskin và ông Ian Henry, Trường đại học Nam California đã thực hiện báo cáo này. Chúng tôi cũng cảm ơn các cán bộ của Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam đã có những đóng góp quý báu về mặt kỹ thuật cũng như hỗ trợ trong việc xây dựng báo cáo, đặc biệt là bà Astrid Bant, bà Ritsu Nacken, ông Lê Bạch Dương, bà Nguyễn Quỳnh Trang, bà Nguyễn Ngọc Quỳnh, bà Lê Thị Phương Mai và bà Trần Thị Thanh Nga.

© Bản quyền thuộc Quỹ dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam năm 2016

Báo cáo này có thể tải xuống miễn phí từ <http://vietnam.unfpa.org/publications>

Để biết thêm thông tin vui lòng liên hệ:

vietnam.office@unfpa.org

MỤC LỤC

Lời cảm ơn	3
Chữ viết tắt	6
Lời nói đầu	7
I. Giới thiệu	9
II. Các lĩnh vực trọng tâm	13
1. Quy mô và cơ cấu dân số	13
A. Quy mô dân số	13
B. Cơ cấu dân số	15
2. Phát triển con người và sức khỏe sinh sản	18
III. Định hướng cho tương lai	23
Kết luận	25
Phụ lục	27

CHỮ VIẾT TẮT

CAT	Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm
CEDAW	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ
CRC	Công ước về quyền trẻ em
CRPD	Công ước về quyền của người khuyết tật
GNP	Tổng sản phẩm quốc dân
ICCPR	Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị
ICERD	Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc
ICESCR	Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa
ICPD	Hội nghị quốc tế về dân số và phát triển
MDGs	Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ
RTI	Nhiễm khuẩn đường sinh sản
RH	Sức khỏe sinh sản
SDGs	Các mục tiêu phát triển bền vững
STIs	Bệnh lây truyền qua đường tình dục
SRH	Sức khỏe sinh sản và tình dục
UNFPA	Quỹ dân số Liên hợp quốc

LỜI NÓI ĐẦU

Xu hướng và các biến động dân số đóng vai trò quyết định trong phát triển và do vậy cần phải được tính đến trong tất cả các quyết định về chính sách cũng như lập kế hoạch. Biến động dân số ở từng quốc gia rất khác nhau, có quốc gia hướng tới tạo điều kiện phát huy cơ hội có dân số trẻ đông đảo trong khi có quốc gia lại cần phải giải quyết vấn đề mức sinh thấp và già hóa dân số. Vì vậy, các chính sách nhằm giải quyết các vấn đề dân số cũng khác nhau phù hợp với từng quốc gia. Tuy nhiên, điều quan trọng là tất cả các chính sách này đều phải được xây dựng trên cơ sở đảm bảo quyền con người.


Quyền con người đóng vai trò tối quan trọng đối với từng cá nhân. Các quyền này cần phải được bảo vệ, tôn trọng và thực hiện đầy đủ đối với tất cả mọi người bất kể độ tuổi, giới tính, màu da, sắc tộc, hay bất kỳ vị thế hoặc đặc tính cá nhân nào. Quyền con người cũng bao gồm cả quyền của phụ nữ cũng như quyền và sức khỏe sinh sản và tình dục như đã được toàn thế giới khẳng định tại Hội nghị Vienna về Quyền con người năm 1993 và Hội nghị quốc tế về dân số và Phát triển (ICPD) tại Cairo năm 1994. Trên thực tế, quyền và sức khỏe sinh sản và tình dục là một phần quan trọng trong quyền con người, thể hiện quyền sống, quyền về sức khỏe và giáo dục, quyền được đảm bảo công bằng và không bị phân biệt đối xử, và quyền được tự quyết định thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh.

Việt Nam đang ở giai đoạn sau của thời kỳ chuyển đổi dân số nhờ vào các nỗ lực của Chính phủ Việt Nam đầu tư vào kế hoạch hóa gia đình và cải thiện các chỉ số phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, sự khác biệt và chênh lệch giữa các vùng miền và các nhóm dân số vẫn còn tồn tại. Bên cạnh đó, Việt Nam còn cần phải duy trì các thành tựu đã đạt được và đồng thời giải quyết các vấn đề dân số mới nổi, như cơ hội dân số vàng, già hóa dân số nhanh chóng, mất cân bằng giới tính khi sinh, di cư và đô thị hóa. Tất cả các vấn đề này đều đòi hỏi phải có điều chỉnh về mặt chính sách. Việc chuyển đổi định hướng chính sách dân số của Việt Nam từ kiểm soát sinh sang một hướng tiếp cận rộng hơn về dân số và phát triển là hoàn toàn cần thiết và phù hợp trong bối cảnh dân số mới này. Hơn nữa, Việt Nam cũng cần cam kết lồng ghép các vấn đề về biến động dân số, sức khỏe sinh sản và giới trong các chiến lược và chính sách quốc gia, đảm bảo quyền con người và áp dụng hướng tiếp cận theo vòng đời, phù hợp văn hóa và nhạy cảm giới.

Báo cáo này tập trung giải quyết cách sử dụng các quy tắc và tiêu chuẩn về quyền con người trong từng giai đoạn xây dựng và thực hiện chính sách nhằm củng cố luật pháp về dân số của Việt Nam và các chính sách có liên quan trong bối cảnh nhân khẩu học mới hướng tới duy trì và phát huy các thành tựu một cách bền vững. Thông điệp nổi bật của báo cáo khẳng định việc phát triển một khung pháp luật vững chắc kết nối được các mục tiêu chính sách dân số với các quy tắc quốc tế về quyền con người và chính sách phát triển hiệu quả là một hướng phát triển chủ đạo tiềm năng cho Việt Nam. Xây dựng luật dân số, các chính sách và chương trình liên quan trên cơ sở quyền con người sẽ giúp Việt Nam giải quyết các vấn đề dân số nổi cộm của mình, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Chúng tôi hy vọng báo cáo chính sách này sẽ giúp các nhà lập pháp và các bên liên quan đảm bảo và đặt các cam kết quốc tế về quyền con người tại ICPD và các công ước quốc tế khác lên trước một cách hiệu quả trong quá trình ra quyết định trong việc xây dựng luật và chính sách về dân số và phát triển tại Việt Nam. Bằng cách này, Việt Nam sẽ đạt được mục tiêu cuối cùng của mình là cuộc sống hạnh phúc, thịnh vượng của toàn dân, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

Astrid Bant



Trưởng đại diện Quỹ dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam

I. GIỚI THIỆU

Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ trong lĩnh vực dân số và sức khỏe sinh sản. Ở cấp quốc gia, Việt Nam đã có Chiến lược Dân số và Sức khỏe Sinh sản giai đoạn 2011-2020; Pháp lệnh Dân số số 06/2003/PL-UBTVQH11 và Pháp lệnh năm 2008 sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số; cũng như Nghị quyết 47-NQ/TW-2005 của Bộ chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Các chính sách và luật pháp quốc gia, cùng với những cam kết trước đây của Chính phủ Việt Nam trong tiến trình phát triển toàn cầu (như Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển ICPD, Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và các cam kết về phát triển và y tế khác) cũng như những động thái liên quan của Chính phủ Việt Nam và các đối tác phát triển đã mang lại nhiều tiến bộ đáng kể trên một số lĩnh vực, bao gồm đạt được mức sinh thay thế, tăng tuổi thọ trung bình, cải thiện đáng kể sức khỏe bà mẹ và trẻ em, tất cả đã góp phần giảm tỷ lệ tử vong cũng như mang đến những thành tựu kinh tế xã hội khác và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Trên cơ sở những thành công về dân số và phát triển này, Việt Nam đang có cơ hội tận dụng những lợi thế của thời kỳ “dân số vàng” để cân nhắc điều chỉnh các biện pháp chính sách và pháp luật về dân số nhằm tiếp tục

gặt hái thành công hơn nữa. Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức về nhân khẩu học, bao gồm vấn đề già hoá dân số và mất cân bằng giới tính khi sinh.¹ Với những thời cơ và thách thức hiện nay, việc phát triển một khung pháp luật vững chắc kết nối được các mục tiêu chính sách dân số với các quy tắc quốc tế về quyền con người và chính sách phát triển hiệu quả là một hướng phát triển chủ đạo tiềm năng cho Việt Nam. Việt Nam đã và đang củng cố vai trò hiện hữu của mình trong các diễn đàn quốc tế liên quan đến vấn đề này. Tuân thủ các nguyên tắc về quyền con người trong quá trình cải tổ chính sách thông qua một phương thức tiếp cận đồng bộ và hiệu quả trên cơ sở hòa hợp các nguyên tắc về quyền con người với chính sách và pháp luật về phát triển, dân số và sức khỏe sinh sản sẽ giúp Việt Nam trở thành hình mẫu cho các nước đang muốn tiến hành những chương trình chính sách tương tự của họ. Nhằm đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và hơn thế nữa, cách tiếp cận này sẽ mang lại lợi ích cho Việt Nam cũng như các nỗ lực phát triển bền vững toàn cầu của mình.

1. Ví dụ: Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chính, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lần lượt theo trang 37 và 70.

Tài liệu này nhằm đóng góp chuyên môn về tư duy và phân tích cho quá trình xây dựng luật dân số và các chính sách có liên quan của Việt Nam. Tài liệu nêu bật sự tôn trọng triệt để của Việt Nam đối với các cam kết quốc tế về quyền con người - bao gồm không chỉ những thành tựu đã đạt được mà cả các cơ hội để cải thiện và hành động - thể hiện sự phối hợp đồng bộ trong quá trình xây dựng luật dân số phù hợp với các cam kết quốc tế về quyền con người. Tài liệu này được xây dựng dựa trên phân tích Pháp lệnh dân số hiện hành, Chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản, Nghị quyết về việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, Dự thảo luật dân số, một số dữ liệu về y tế công cộng có liên quan cùng với những cam kết quốc tế về quyền con người của Việt Nam trong lĩnh vực dân số và phát triển cũng như kinh nghiệm quốc tế trong việc áp dụng các quy tắc, tiêu chuẩn về quyền con người trong xây dựng chính sách y tế quốc gia.²

Trước hết, việc Việt Nam xây dựng một luật dân số nhằm hiện thực hóa quyền con người một cách có hệ thống sẽ thực hiện được bằng cách lồng ghép vào văn bản pháp luật các nguyên tắc về quyền con người như không phân biệt đối xử, cho phép người dân tham gia, tính minh bạch và tin cậy, và tập trung vào các nội dung chính trong quyền về sức khỏe như sự sẵn có, dễ tiếp cận, phù hợp và có chất lượng thỏa đáng của các dịch vụ y tế khi quy định tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ. Để xây dựng luật dân số toàn diện, Việt Nam cần lưu ý tới đầy đủ các quyền, bao gồm cả những quyền gắn với các yếu tố quyết định đến sức khỏe, chẳng hạn như giáo dục, nhà ở, lương thực, và điều kiện làm việc. Những quyền khác có tác động rõ rệt đến dân số, chẳng hạn như quyền được giáo dục, tiếp cận thông tin, quyền tự chủ và bất khả xâm phạm về thân thể, quyền quyết định muốn có con và khi nào sinh con, số lượng và khoảng cách giữa các lần sinh cũng như những thông tin và cách thức

2. Xem các trích dẫn phụ lục của Chương trình hành động của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển về Hành động quốc gia để thực hiện các quy tắc và tiêu chuẩn về quyền con người liên quan đến dân số và phát triển.

thực hiện các quyền này, cũng sẽ hỗ trợ một cách tích cực tới những nỗ lực về dân số và phát triển của Việt Nam. Thêm vào đó, việc đưa vào các quyền như quyền thông tin, quyền riêng tư và bảo mật, quyền quyết định trên cơ sở có đủ thông tin, quyền tự do di chuyển, tự do lập hội có thể hỗ trợ tăng cường hiệu lực thực thi của luật. Tất cả các quyền này đều có cơ sở pháp lý dựa trên những hiệp ước về quyền con người cơ bản mà Việt Nam đã chọn để tuân thủ, bao gồm Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR), Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước chống tra tấn và các hình thức trừng phạt hay đối xử tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm (CAT), Công ước về quyền trẻ em (CRC), và Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPD).³ Ngoài ra, Việt Nam cũng đã tích cực ủng hộ Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD) cũng như các tiến trình dân số và phát triển khác có liên quan.⁴ Những hiệp ước và công ước này (1) thể hiện sự đồng thuận trong cộng đồng quốc tế về các quy tắc và tiêu chuẩn về quyền con người liên quan mật thiết tới chính sách dân số, (2) hình thành các trách nhiệm pháp lý riêng biệt và (3) có chức năng là những công cụ quyền lực qua đó để phân tích, hình thành và củng cố môi trường chính sách pháp luật quốc gia.

Việc vận dụng quyền con người trong xây dựng chính sách như khuyến nghị trong tài liệu này sẽ tạo ra các chính sách, cơ cấu và nguồn lực thúc đẩy các cách thức thiết lập và thực hiện quyền. Theo đó những quyền này sẽ được thực hiện một cách hiệu quả chứ không chỉ đơn thuần phòng tránh hoặc hạn chế các hành vi vi phạm. Theo cách này, quyền con người có thể được đảm bảo

3. Xem phụ lục về nội dung và thông tin về quyền công ước liên quan đến mỗi quyền được đề cập trong tài liệu này.

4. Xem phụ lục để có thêm thông tin về nội dung của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển và tính hữu dụng của nó trong chính sách dân số và phát triển.

thông qua việc nâng cao quy trình hoạt động phục vụ cho việc tối đa hóa các lợi ích từ phát triển và y tế công cộng. Do vậy, tài liệu này nhấn mạnh các cách thức áp dụng quyền con người nhằm nâng cao và hoàn thiện luật Dân số và các chương trình liên quan. Việc áp dụng các quyền và tiến trình liên quan có tác dụng tích cực tới nội dung của Luật dân số cũng như quá trình xây dựng, thực hiện và đánh giá luật, có thể thúc đẩy việc hợp tác giữa các bên và thể chế khác nhau trong phạm vi quốc gia và trong cộng đồng quốc tế, mang lại lợi ích dưới hình thức của một ngôn ngữ chung giữa nhiều bên liên quan,

đồng thời cũng cho phép vận dụng các quá trình và cơ chế trách nhiệm cấp quốc gia và quốc tế hiện hành trong việc chăm sóc y tế và các hệ thống khác có liên quan.

Tài liệu này có bố cục như sau: Phần II phản ánh những vấn đề trọng tâm đối với việc sửa đổi dự thảo luật dân số chú trọng đến các cam kết và tiến trình quốc tế về quyền con người có liên quan. Phần III nhấn mạnh các cam kết về quyền con người liên quan đến quá trình cải cách luật và chính sách cũng như đưa ra các kiến nghị về các giải pháp trước mắt nhằm hiện thực hóa quyền con người.



II. CÁC LĨNH VỰC TRỌNG TÂM

Bối cảnh dân số và phát triển hiện tại của Việt Nam cho thấy một số cơ hội cũng như thách thức. Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế đáng kể cùng với sự phát triển và công nghiệp hóa ngày càng gia tăng. Các dự đoán phát triển được đưa ra bao gồm những thay đổi trong dịch vụ xã hội, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, tăng cường tiếp cận thông tin, trình độ giáo dục ngày càng cao, các tiến bộ của phụ nữ, đều có đóng góp tích cực để tận dụng những lợi thế của thời kỳ “dân số vàng”. Tuy vậy, Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm quan ngại về lực lượng lao động và thất nghiệp, áp lực đối với hệ thống chăm sóc y tế và các dịch vụ xã hội liên quan đến vấn đề đô thị hóa và di cư, những quan ngại thường xuyên về bình đẳng giới, già hóa dân số, đặc biệt là những ảnh hưởng nặng nề do biến đổi khí hậu toàn cầu, ô nhiễm môi trường và thiên tai. Do đó, một chiến lược sức khỏe sinh sản và dân số hữu hiệu được xây dựng trên cơ sở quyền con người là chìa khóa để tận dụng tối đa các cơ hội và tháo gỡ những thách thức mà Việt Nam đang đối mặt. Để thực hiện mục tiêu này, có rất nhiều vấn đề quan trọng cần được quan tâm trong quá trình xây dựng chiến lược, chính sách và luật liên quan đến

dân số và sức khỏe sinh sản. Những vấn đề này bao gồm quy mô dân số và các vấn đề liên quan như tăng trưởng dân số, mức sinh, mức chết, sử dụng các biện pháp tránh thai, tỷ lệ nạo phá thai, cũng như cơ cấu dân số và các vấn đề liên quan như cơ cấu “dân số vàng”, già hóa dân số, tỷ số giới tính khi sinh, phân bố dân số và di cư. Từng vấn đề này sẽ được thảo luận trong tiểu mục (1) dưới đây kết hợp với các quy tắc và tiêu chuẩn về quyền con người có liên quan. Tiểu mục (2) sẽ thảo luận từng vấn đề cụ thể trong bối cảnh rộng hơn về phát triển dân số và sức khỏe sinh sản. Những lưu ý mang tính hệ thống về quyền con người sẽ giúp liên kết các vấn đề đồng thời tạo ra một khuôn khổ pháp lý cho việc tăng cường chính sách và pháp luật về dân số.

1. QUY MÔ VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ

A. Quy mô dân số

Việc điều chỉnh quy mô dân số có thể được thực hiện thông qua việc ban hành các chính sách, chiến lược và quy định pháp lý có tác động trực tiếp đến quy mô dân

số hoặc gián tiếp như thông qua các chiến lược sức khỏe sinh sản.

Số liệu dân số thường biểu thị quy mô dân số và phản ánh mức độ theo đó quyền con người được ưu tiên bao gồm các chỉ số về tỷ lệ gia tăng dân số, tỷ lệ sinh, tỷ số giới tính khi sinh, tỷ lệ tử vong, đặc biệt là tử vong mẹ, tỷ lệ chết ở trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, tỷ lệ phòng tránh thai, tỷ lệ nạo phá thai bao gồm nạo phá thai an toàn.⁵ Việc chú trọng đến các chỉ số này đã được phản ánh trong một vài mục tiêu của Chiến lược sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, bao gồm:

- Mục tiêu 1: Phần đầu đạt tốc độ tăng dân số ở mức 1% vào năm 2015 và ổn định ở mức 1% vào năm 2020 [...]
- Mục tiêu 2: Nâng cao tình trạng sức khỏe, giảm tỷ lệ bệnh tật và tử vong ở trẻ em [...]
- Mục tiêu 4: Đến năm 2025, giảm mạnh [mất cân bằng] tỷ số giới tính khi sinh...
- Mục tiêu 5: Duy trì tỷ lệ sinh thấp ở mức hợp lý [...]
- Mục tiêu 6: Giảm tỷ lệ nạo phá thai, cơ bản loại trừ nạo phá thai không an toàn⁶

Một số cam kết quốc tế về quyền con người liên quan đến quy mô dân số

Quá trình dẫn đến việc đạt được các mục tiêu là vấn đề mang tính trọng tâm. Điều quan trọng nhất là phải chú trọng đến cách thức theo đó quyền con người và các nguyên tắc của nó được lồng ghép trong Luật dân số để có thể thúc đẩy việc đạt được những mục tiêu nêu trên thông qua các tác động đối với quá trình xây dựng Luật dân số cũng như các chương trình, chính sách có liên quan. Điểm cốt lõi trong quyền con người liên quan đến quy mô dân số là về lựa chọn sinh sản, bao gồm việc tự do quyết định có sinh con hay không, giữ hay loại bỏ thai kỳ, lựa chọn các biện pháp kế hoạch hóa gia đình cũng như biện pháp

tránh thai nào là tối ưu.⁷ Vì thế việc có được các thông tin, giáo dục và dịch vụ đầy đủ là cần thiết vì chúng là cốt lõi của vấn đề sức khỏe sinh sản và tình dục.

Cho đến nay, Việt Nam đã đạt được bước tiến đáng khích lệ trong việc xác định và nâng cao tầm quan trọng của việc cung cấp thông tin và giáo dục về sức khỏe sinh sản trong chiến lược và các chính sách hiện hành. Việt Nam đã nhận thức được rằng quyền tiếp cận thông tin và được giáo dục về sức khỏe sinh sản chính là chìa khóa quyết định quy mô dân số, phù hợp với các quy tắc và tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã cam kết. Việt Nam còn có thể đạt được nhiều thành tựu hơn nữa nếu chú trọng hơn tới các quyền khác liên quan đến những mục tiêu kể trên, bao gồm quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền thành lập các hội, đặc biệt là quyền tham gia của các nhóm dân số bị ảnh hưởng, quyền không bị phân biệt đối xử và quyền ra quyết định dựa trên thông tin sẵn có.

Có một vấn đề cần phải được lưu ý đặc biệt. Pháp lệnh sửa đổi năm 2008 Điều số 10 của Pháp lệnh dân số năm 2003 nêu rõ mỗi cặp vợ chồng, cá nhân được “sinh một hoặc hai con, trừ trường hợp đặc biệt do chính phủ quy định”.⁸ Các bằng chứng trên thế giới cho thấy có thể giảm tỷ lệ tăng dân số một cách hiệu quả thông qua cung cấp thông tin, giáo dục và đảm bảo các dịch vụ sức khỏe sinh sản đầy đủ, cũng như chú trọng đến các quyền liên quan đến cách thức cung cấp các thông tin và dịch vụ này

5. Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 11-14.

6. Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 11-14.

7. Xem phụ lục các điều gồm Điều 16.1 (e) Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) - [quyền ra quyết định có con hay không, số con và khoảng cách giữa các lần sinh cũng như thông tin và cách thức thực hiện những quyền này]; Điều 19.2 Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và Chính trị (ICCPR) [Quyền tiếp cận thông tin]; Điều 13 Công ước quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR) [Quyền học tập]; Điều 9 Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và Chính trị (ICCPR) [Quyền tự do và an toàn cá nhân] cũng như quyền tự chủ và bất khả xâm phạm về thân thể.

8. Pháp lệnh 2008, trang 17.

cho các đối tượng có nhu cầu. Nếu chiếu theo các tiêu chuẩn và quy tắc quốc tế về quyền con người, trong đó bao gồm quyền được quyết định việc có con, thời điểm sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh cũng như các thông tin và biện pháp tiến hành các quyền này thì khoản sửa đổi năm 2008 Điều 10 Pháp lệnh dân số không tuân thủ đúng những cam kết về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết.⁹ Hạn chế này đã được loại bỏ trong bản dự thảo luật Dân số tháng 5 năm 2015 và Việt Nam cần tiếp tục nỗ lực để đảm bảo những bất cập tương tự sẽ không tái diễn, cho dù chỉ là về mặt ngôn ngữ hay khái niệm, trong bất cứ bản dự thảo hay sửa đổi nào trong tương lai. Để phù hợp với các quy tắc và tiêu chuẩn về quyền con người và giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu dân số, bất kỳ quy định hay văn bản mới nào của luật dân số cần đảm bảo người dân được quyền quyết định về sinh sản trên cơ sở được giáo dục, thông tin, dịch vụ và nguồn lực đầy đủ do nhà nước cung cấp.

B. Cơ cấu dân số

Cơ cấu dân số bao gồm các thành tố liên quan đến cấu trúc dân số như phân bố dân số theo nhóm tuổi, theo vị trí địa lý và mật độ dân số, và theo tỷ lệ giới tính. Việc chú trọng hơn đến hướng tiếp cận vòng đời và đặt trọng tâm vào vấn đề quyền con người trong quá trình xây dựng, triển khai, giám sát và đánh giá chính sách liên quan đến cơ cấu dân số sẽ mang lại lợi ích cho chính sách về dân số, sức khỏe sinh sản cũng như chính sách phát triển của Việt Nam. Một vài ví dụ tượng trưng cho những vấn đề trên sẽ được thảo luận sau đây, bao gồm các vấn đề về lợi thế “dân số vàng”, các thách thức liên quan đến già hóa dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, di cư và phân bố dân số cũng như các vấn đề về phát triển cá nhân trên phương diện chất lượng cuộc sống và sức khỏe, gồm cả sức khỏe thể chất và sức khỏe

tinh thần. Cùng với các nỗ lực về xây dựng chính sách và quy định pháp luật về dân số, sức khỏe sinh sản và phát triển một cách toàn diện, mỗi lĩnh vực này sẽ tạo cơ hội cho Việt Nam xây dựng các chính sách hiệu quả trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ các cam kết quốc tế về quyền con người cũng như cải thiện cuộc sống hàng ngày của người dân. Phần tiếp theo sẽ thảo luận những vấn đề sau đây trên cơ sở chú trọng hàng loạt các khía cạnh có liên quan đến cơ cấu dân số và cụ thể là những cam kết về quyền con người có liên quan, bao gồm các vấn đề về: (1) Lợi thế “dân số vàng”, (2) Già hóa dân số, (3) Cơ cấu tuổi và, (4) Phân bố dân cư và di cư.

Lợi thế cơ cấu “dân số vàng” và một số cam kết quốc tế về quyền con người

Hiện tại Việt Nam đang có lợi thế “dân số vàng”, là một thời kỳ đặc biệt về nhân khẩu học trong đó lực lượng dân số trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ hùng hậu, có tiềm năng tăng trưởng kinh tế cao.¹⁰ Một lần nữa việc tôn trọng quyền con người có thể hậu thuẫn các quy định pháp lý và chính sách nhằm tạo ra các tác động tích cực cho toàn bộ dân cư dựa trên lợi thế cơ cấu “dân số vàng”. Tối ưu hóa các xu hướng nhân khẩu học này trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội cần chú trọng vào:

“phát triển kinh tế và giảm nghèo, đặc biệt ở các khu vực nông thôn, nâng cao vị thế của phụ nữ, đảm bảo phổ cập giáo dục tiểu học chất lượng cao và chăm sóc sức khỏe ban đầu, bao gồm sức khỏe sinh sản và các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cùng với các chiến lược giáo dục liên quan đến trách nhiệm của cha mẹ và giáo dục giới tính. Các quốc gia cần huy động tổng lực xã hội cho nỗ lực này, bao gồm các tổ chức phi chính phủ, các hội dân cư cũng như khu vực kinh tế tư nhân”¹¹

9. Xem phụ lục. Ví dụ như Điều 16 (e) Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW); Điều 23.1(b) Công ước về các quyền của người khuyết tật (CRPD); Điều 12 Công ước quốc tế về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR).

10. Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chính, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang 37-38.

11. Chương trình hành động của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển, trang 47, phần 6.4, Xem phụ lục trang 17.

Các quy tắc về quyền con người bao gồm quyền được tham dự, được thừa nhận, quyền không bị phân biệt đối xử và bình đẳng trước pháp luật là đặc biệt quan trọng trong thời kỳ dân số vàng. Thực tế cho thấy các nỗ lực nhằm tăng tỷ lệ tham gia lực lượng lao động, ví dụ như tăng sự tham gia của phụ nữ hoặc các nhóm dân tộc thiểu số, sẽ giúp Việt Nam tăng khả năng tận dụng tối đa lợi thế của thời kỳ “dân số vàng”. Quyền tham gia đồng nghĩa với việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm cũng như giúp tăng cường tiếng nói của người dân trong mọi lĩnh vực tác động đến cuộc sống hàng ngày. Sự tham gia và các cơ chế huy động sự tham gia của tất cả các nhóm dân số sẽ là một biện pháp hữu hiệu đặc biệt nhằm tận dụng được thời kỳ dân số vàng ở Việt Nam.

Già hóa dân số và một số cam kết quốc tế về quyền con người

Giảm tỷ lệ sinh và tỷ lệ chết song song với tăng tuổi thọ của dân số đã góp phần đáng kể làm tăng tỷ lệ người cao tuổi ở Việt Nam. Đây là điều đáng khích lệ, tuy nhiên nó cũng là thách thức đối với hệ thống chăm sóc y tế, an sinh xã hội và các nguồn lực quốc gia khác nếu chúng không được xem xét và giải quyết triệt để.¹² Nỗ lực nhằm bảo vệ quyền cho người cao tuổi và đảm bảo hệ thống chăm sóc y tế, kinh tế và trợ giúp xã hội đáp ứng được nhu cầu của người cao tuổi là vấn đề thiết yếu. Một số các mục tiêu quốc gia hữu ích cho việc định hướng chính sách liên quan đến già hóa dân số bao gồm:

“(a) Tăng cường khả năng tự phục vụ của người cao tuổi thông qua các cơ chế hợp lý, và tạo ra các điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống, khiến người cao tuổi có thể sống, làm việc một cách độc lập trong cộng đồng của họ càng lâu càng tốt hoặc cho đến khi họ mong muốn; (b) Xây dựng hệ thống chăm sóc y tế cũng như kinh tế và an sinh xã hội cho người cao tuổi, chú trọng đặc biệt đến

12. Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chính, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang 40. Có thể xem tại <http://vietnam.unfpa.org/public/lang/en/pid/9848>.

*nhu cầu của phụ nữ; (c) Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội cả chính thức và phi chính thức với mục tiêu tăng cường khả năng chăm sóc người cao tuổi tại chính gia đình của họ”.*¹³

Tất cả các nguyên tắc về quyền con người bao gồm không phân biệt đối xử, bình đẳng, quyền được chăm sóc sức khỏe, quyền tham gia, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, và quyền tự do cá nhân đều có quan hệ mật thiết với nhóm dân số cao tuổi. Chính sách về dân số và phát triển quốc gia cần hiểu rõ nhu cầu của người cao tuổi nhất là khi Việt Nam đang dần trải qua những áp lực của việc dân cư có tuổi thọ cao hơn.¹⁴ Các vấn đề cần chú trọng về quyền con người bao gồm bảo đảm người cao tuổi có thể tiếp cận và chấp nhận được hệ thống chăm sóc sức khỏe có chất lượng và phù hợp với họ cả về y tế và khoa học (quyền được chăm sóc sức khỏe); bảo đảm người cao tuổi không bị phân biệt đối xử trong quá trình sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe và những dịch vụ theo yêu cầu của người cao tuổi (không bị phân biệt đối xử và công bằng); bảo đảm người cao tuổi có tiếng nói trong các quyết định liên quan đến cuộc sống của họ (nguyên tắc quyền tham gia); bảo đảm có các cơ cấu phù hợp để xác nhận năng lực và cho phép tự ra quyết định trong việc tìm kiếm dịch vụ chăm sóc sức khỏe; bảo đảm duy trì tính bảo mật riêng tư trong hệ thống trợ giúp xã hội và y tế.

Cơ cấu tuổi của dân số và một số cam kết quốc tế về quyền con người

Việt Nam đang phải đối mặt với tình trạng mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ngày càng nghiêm trọng, một phần do tình trạng bất bình đẳng nam-nữ vẫn tồn tại trong xã hội cộng với việc tiếp cận tới các kỹ thuật để

13. Chương trình hành động của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển, trang 52, phần 6.17 trong phụ lục.

14. Xem phụ lục cho các điều khoản công ước liên quan đến từng quyền này; Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chính, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang 40.

lựa chọn giới tính thai nhi, nhất là vấn nạn nạo phá thai do lựa chọn giới tính.¹⁵

Mặc dù mức độ mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh có khác nhau giữa các khu vực nhưng đây là hiện tượng rõ rệt ở Việt Nam và đã tăng cao trong thập niên vừa qua.¹⁶ Cần phải có các nỗ lực nhằm tôn trọng quyền con người để điều chỉnh sự mất cân bằng này đồng thời cho phép quyền tự chủ và tăng cường bình đẳng giới. Năm 2012, Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) đã nhấn mạnh một số xu hướng và các tác động chính sách liên quan đến vấn đề mất cân bằng giới tính khi sinh như sau:

“Lựa chọn giới tính với tâm lý ưa thích con trai là một biểu hiện rõ ràng của sự bất bình đẳng về mặt xã hội, văn hóa, chính trị, kinh tế đối với phụ nữ, đồng thời là biểu hiện của sự vi phạm nhân quyền đối với phụ nữ. Số lượng phụ nữ thiếu hụt ngày càng tăng (theo ước tính mới nhất là 117 triệu phụ nữ đang bị thiếu hụt trên toàn cầu) là biểu hiện của một nền văn hóa trong đó tồn tại sự mất bình đẳng giới sâu sắc. Các chế độ mang tính gia trưởng cũng cố thêm tâm lý chuộng con trai và tạo ra môi trường bạo lực, phân biệt đối xử đối với phụ nữ và trẻ em gái trong xã hội. Mức sinh giảm cùng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ cho phép cha mẹ biết trước giới tính thai nhi là những yếu tố làm trầm trọng thêm vấn đề này”¹⁷

Tài liệu này cũng đề cập đến các mục trong Chương trình hành động của Hội nghị quốc

tế về Dân số và Phát triển ICPD, phản ánh sự đồng thuận toàn cầu nhằm xóa bỏ:

“tất cả các hình thức phân biệt đối xử với trẻ em gái và những nguyên nhân gốc rễ của tâm lý chuộng con trai mà dẫn đến những tập quán có hại, phi đạo lý về loại bỏ bé gái mới sinh và lựa chọn giới tính trước sinh.”¹⁸ Bản đồng thuận cũng kêu gọi các chính phủ “có biện pháp cần thiết ngăn chặn tình trạng loại bỏ trẻ sơ sinh, lựa chọn giới tính trước sinh...” và tuyên bố “lãnh đạo ở mọi cấp độ xã hội phải lên tiếng, có hành động quyết liệt chống lại những hình thức phân biệt giới tính trong gia đình do tư tưởng ưa chuộng con trai...”

Nguyên tắc nhân quyền về không phân biệt đối xử và bình đẳng được đặt lên hàng đầu ở đây, đặc biệt trong việc giải quyết mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh. Bên cạnh đó, quyền được biết thông tin cũng dẫn tới sự cần thiết phải có sự tham gia chặt chẽ và đa ngành của các cấp chính quyền trong việc giải quyết những tác động tiêu cực tiềm tàng của việc lựa chọn giới tính trên toàn xã hội, đồng thời khuyến khích việc xóa bỏ phân biệt đối xử trên cơ sở giới trong khi vẫn tôn trọng quyền tự chủ.¹⁹

Phân bố dân cư, di cư và một số cam kết quốc tế về quyền con người

Di cư là một thách thức chính đối với các quốc gia đang trong quá trình quá độ về nhân khẩu học, và đối với Việt Nam thì đặc biệt là di cư nội địa, thông thường là di cư từ nông thôn ra thành thị. Đô thị hóa đi song song với phát triển và Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự tăng trưởng nhanh chóng của dân số đô thị với tỷ lệ trung bình là 3,26% một năm giai đoạn 2009-2014.²⁰ Như đã được nhấn

15. *Tỉ số giới tính khi sinh ở Việt Nam: Các bằng chứng mới từ Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ năm 2014*, trang 5. Xem <http://www.unfpa.org/publications/recent-change-sex-ratio-birth-viet-nam>.

16. *Tỷ số giới tính khi sinh ở Việt Nam: Các bằng chứng mới từ Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ 2014*, trang 15-21.

17. <https://www.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/Sex%20Imbalances%20at%20Birth.%20PDF%20UNFPA%20APRO%20publication%202012.pdf> trang 2.

18. <https://www.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/Sex%20Imbalances%20at%20Birth.%20PDF%20UNFPA%20APRO%20publication%202012.pdf> trang. 2-3, xem phần phụ lục.

19. http://www.unfpa.org/sites/default/files/pub-pdf/sex_ratio_birth_report.pdf trang 52.

20. *Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chính*, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang 101.

mạnh trong Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, việc đáp ứng các nhu cầu về xã hội, kinh tế và giáo dục của người di cư không chỉ đồng thuận với các cam kết về nhân quyền của Việt Nam mà còn tăng cường hiệu quả nhìn từ góc độ quản lý dân số.²¹

“Các chính sách phân bố dân số hiệu quả là những chính sách cân nhắc đến tác động của chiến lược phát triển đối với vấn đề phân bố dân cư trong khi vẫn đảm bảo quyền được sống và làm việc của các cá nhân tại cộng đồng họ lựa chọn. Đô thị hóa có những tác động sâu sắc đối với sinh kế, lối sống và giá trị của từng cá nhân. Đồng thời di cư cũng có những tác động cả tích cực và tiêu cực về kinh tế, xã hội và môi trường cả ở nơi đi lẫn nơi đến. [Các mục tiêu về phân bố dân số và phát triển bền vững là:] Nhằm khuyến khích sự phân bố dân cư bình đẳng theo không gian thông qua việc thúc đẩy sự phát triển bền vững về sinh thái và bình đẳng tại cả nơi đi và nơi đến, đặc biệt chú trọng thúc đẩy bình đẳng về kinh tế, xã hội và giới tính trên cơ sở tôn trọng quyền con người, đặc biệt là quyền phát triển [...]”²²

Bức tranh về quyền con người trên thế giới rất rõ ràng: người di cư nội địa có quyền được hưởng tất cả các quyền con người cơ bản và các chính phủ phải có trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ cũng như thực hiện những quyền này ở mức cao nhất có thể trong đó có quyền được tự do đi lại và quyền bất khả xâm phạm thân thể.²³ Thêm vào đó, những quyền khác chẳng hạn như quyền được chăm sóc sức khỏe và giáo dục cũng đòi hỏi cần có các nỗ lực để đảm bảo chăm sóc y tế, gồm cả sức khỏe sinh sản, và giáo dục

phải sẵn có cho người di cư.²⁴ Thay đổi phân bố dân số đặt ra một loạt các thử thách riêng biệt nhưng lại có liên quan đến nhau do các cam kết về quyền con người đòi hỏi phải sẵn có các dịch vụ cho tất cả các nhóm dân số, trong đó sẽ thách thức hơn đối với các nhóm dân số ở các khu vực nông thôn xa xôi. Về cơ bản, quyền tiếp cận thông tin bao gồm việc đảm bảo thông tin về việc tiếp cận các quyền lợi và dịch vụ sức khỏe phải được cung cấp cho mọi đối tượng. Các cam kết về quyền con người sẽ được hiện thực hóa hơn khi có các chính sách và luật dân số đáp ứng được thực tế về việc dịch chuyển phân bố dân cư cũng như các nhu cầu của người di cư.

2. PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE SINH SẢN

Phát triển con người

Phát triển con người và sức khỏe được đề cập đến rất nhiều trong các biện pháp về “chất lượng dân số” trong các chiến lược và quy định pháp lý hiện hành. Cần hết sức lưu ý rằng thuật ngữ “chất lượng dân số” cần phải được thay thế bằng thuật ngữ phát triển con người và sức khỏe, hoặc nâng cao chất lượng cuộc sống hoặc một thuật ngữ tương đương. Việc sử dụng thuật ngữ “chất lượng” có thể tạo ra những ấn tượng sai lệch đối với nhiều nhóm dân số dễ bị tổn thương, chẳng hạn có thể gây ra suy nghĩ sai lầm rằng người khuyết tật sẽ bị coi là nhóm dân số có chất lượng thứ cấp so với các nhóm dân số khác. Đây là điều không phù hợp với những hỗ trợ của Việt Nam đối với nhóm dân số khuyết tật và đường lối lãnh đạo quốc tế khi đã phê chuẩn Công ước về Quyền của người khuyết tật năm 2014.²⁵ Như đề cập trên đây, Việt Nam đã gạt hái được những thành công đáng kể trong quá trình phát triển được đo lường thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế,²⁶ tăng

21. Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020, trang 38.

22. Xem phụ lục, Chương trình hành động Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển, trang 95, phần 9.1

23. Xem phụ lục, Điều 12 Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và Chính trị.

24. Xem phụ lục, Chương trình hành động Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển, Nguyên tắc 12, Hành động 7.11.

25. Thư của Nhóm tương đồng về Sức khỏe sinh sản (RHAG) <http://indicators.ohchr.org/> (xem đến phần Việt Nam).

26. Chiến lược Dân số và Sức khỏe Sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 35.

tuổi thọ của dân số,²⁷ nâng cao số năm đi học trung bình²⁸ và tăng hơn gấp đôi tổng thu nhập quốc nội trên đầu người.²⁹

Như đã được nhấn mạnh trong Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, nhiều thách thức vẫn còn tồn tại ở Việt Nam: “chất lượng cuộc sống của nhiều người dân Việt Nam vẫn còn hạn chế... “thể trạng, cân nặng và sức khỏe thể chất của người Việt Nam còn thấp hơn so với dân cư của các quốc gia trong khu vực”.³⁰ Ngoài ra, 16 nhóm dân tộc thiểu số với tổng dân số xấp xỉ 10,000 người đang phải đối mặt với nhiều vấn đề về sức khỏe, ví dụ như bệnh sốt rét, rối loạn tuyến giáp và bệnh phong. Những nhóm đối tượng này chịu nhiều thách thức mang tính đặc thù bao gồm kiến thức hạn chế về chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, tỷ lệ sử dụng các dịch vụ y tế, dân số và sức khỏe sinh sản cũng như các dịch vụ xã hội thấp.³¹ Chú trọng đến những vấn đề về quyền con người đối với các nhóm dân số này nhất là trong quá trình xây dựng và thực hiện Luật dân số có thể giúp giải quyết những thách thức về sức khỏe và phát triển trên đây. Chẳng hạn, nếu Luật

quy định quyền được chăm sóc sức khỏe và quyền được tiếp cận thông tin thì thông tin về việc tiếp cận các dịch vụ y tế và phát triển có thể được đảm bảo cung cấp đầy đủ cho mọi người dân, bằng ngôn ngữ dễ tiếp cận và dễ hiểu với tất cả người dân tộc thiểu số.

Sức khỏe sinh sản

Sức khỏe sinh sản được cho là một thành tố quan trọng của sức khỏe dân số. Việt Nam cũng đã đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực này. Các chỉ số về lĩnh vực này cho thấy nhiều tiến bộ, bao gồm việc giảm tỷ suất chết mẹ,³² giảm đáng kể tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh trên mọi địa bàn,³³ nâng cao tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai,³⁴ và gia tăng việc sử dụng các biện pháp phòng tránh thai hiện đại.³⁵

27. Cao hơn 0.7 năm trong giai đoạn 2009-2014 theo Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chính, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang 25; Cao hơn 4,3 năm trong giai đoạn 1999-2009, Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 27.
28. 9.6 tại thời điểm 2006, Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 28. Thêm vào đó, “tỷ lệ dân cư bằng hoặc hơn 5 tuổi chưa từng đến trường học năm 2014 đã giảm đáng kể ở cấp độ quốc gia, từ 9,8% năm 1999 xuống 4,4% năm 2014”, Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ xuất bản ngày 1/4/2014: Các kết quả chính, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang 49.
29. Chiến lược Dân số và Sức khỏe Sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 28.
30. Chiến lược Dân số và Sức khỏe Sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 37.
31. Chiến lược Dân số và Sức khỏe Sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 37. Chẳng hạn phần trăm phụ nữ dân tộc thiểu số tuổi từ 15-49 được tư vấn về HIV, được thử HIV và nhận được kết quả là 1/5 so với phụ nữ dân tộc Kinh/Hoa, độ bao phủ tiêm chủng mở rộng ở trẻ em dân tộc thiểu số cũng thấp hơn (69,4%) so với trẻ em Kinh/Hoa (84.6%). Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ Việt Nam, Tổng cục thống kê, trang 258 và 84.

32. 100/100k đến 69/100k; Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 28. Không có số liệu về tỉ lệ tử vong mẹ trong Báo cáo Dân số giữa kỳ 2014. Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014 cho thấy: “Mặc dù thời điểm một vài ngày sau sinh là hết sức quan trọng, thống kê quy mô lớn lấy mẫu là các hộ gia đình toàn quốc không có những câu hỏi hệ thống về giai đoạn hậu sản và chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh. Năm 2008, Sáng kiến Đếm ngược đến năm 2015 về quá trình giám sát sức khỏe bà mẹ trẻ em sau sinh đã nêu bật hạn chế này và kêu gọi phát triển những chương trình chăm sóc sau sinh (PNC) cũng như tăng cường chất lượng và độ sẵn có của số liệu về cho lĩnh vực này; Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014, trang 161.
33. 42,3 trẻ tử vong/1000 trẻ sinh ra năm 1989 xuống còn 14,9 trẻ tử vong/1000 trẻ được sinh ra năm 2014, mức giảm đạt được trong cả nhóm dân cư nông thôn và thành thị; Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chính, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang 80.
34. 73,9%-79,5%; Chiến lược Dân số và Sức khỏe Sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 28. Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014 cho thấy 75,7% phụ nữ tuổi từ 15-49 đã lập gia đình hoặc đang trong một mối quan hệ tiến tới kết hôn có sử dụng biện pháp tránh thai với việc sử dụng vòng tránh thai thông thường IUD ở mức phổ biến nhất (28,2%); Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014, trang 142.
35. Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 28. 57% phụ nữ được hỏi tuổi từ 15-49 đã lập gia đình hoặc đang trong một mối quan hệ có sử dụng một biện pháp tránh thai tiên tiến; Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014.

Bất chấp những thành tựu nổi bật nêu trên, vẫn còn có nhiều khoảng cách trong việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế, bao gồm sự khác biệt đáng kể về mặt vùng miền (ví dụ như việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe trước sinh, sau sinh và chăm sóc sức khỏe trẻ sơ sinh còn đặc biệt hạn chế ở khu vực miền núi và vùng sâu, vùng xa).³⁶ Chênh lệch về tiếp cận giữa các nhóm tuổi còn tồn tại và có tác động nặng nề đến phụ nữ trẻ tuổi: chẳng hạn như “chỉ có 70,4% phụ nữ dưới 20 tuổi được thăm khám tiền sản trong ba tháng đầu của thai kỳ trong khi tỷ lệ này ở phụ nữ từ 20 tuổi trở lên là 85%”.³⁷ Thêm vào đó, các thách thức về chất lượng dịch vụ và cung cấp biện pháp tránh thai được dự đoán sẽ gia tăng do số lượng phụ nữ bước vào độ tuổi sinh sản tăng lên.³⁸ Tỷ lệ nạo phá thai không an toàn còn cao, các dịch vụ hỗ trợ chưa đầy đủ ở mọi khu vực dân cư.³⁹ Hơn nữa, việc tầm soát, phát hiện, điều trị, giám sát và tư vấn đều cần được cải thiện,⁴⁰ khoảng trống trong hiểu biết về sức khỏe sinh sản và tình dục còn đặc biệt cao trong nhóm người trẻ tuổi,⁴¹ đồng thời “nhận

thức cộng đồng về giới tính và tác hại của lạm dụng tình dục đối với nạn nhân [về sức khỏe sinh sản và tình dục] cũng còn nhiều hạn chế”.⁴²

Về mức độ thực tiễn, các chiến lược hiện nay đã nhận rõ những khác biệt này và vạch ra nhiều mục tiêu để giải quyết tình trạng đó:

- Mục tiêu 3: Nâng cao sức khỏe bà mẹ, thu hẹp đáng kể sự khác biệt về các chỉ số sức khỏe bà mẹ giữa các vùng miền
- Mục tiêu 7: Giảm nhiễm khuẩn đường sinh sản, nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục, chủ động phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản [...]
- Mục tiêu 8: Cải thiện sức khỏe sinh sản của vị thành niên và thanh niên
- Mục tiêu 9: Cải thiện sức khỏe sinh sản cho các nhóm dân số đặc thù (người di cư, người khuyết tật, người nhiễm HIV, nhóm dân tộc thiểu số đang có nguy cơ suy thoái về chất lượng giống nòi); đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người là nạn nhân của bạo lực giới và thảm họa, thiên tai.
- Mục tiêu 10: Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.⁴³

Như đã đề cập ở trên, một thế mạnh đáng kể của việc chú trọng đưa vào Luật các vấn đề về quyền con người trong tất cả các quá trình xây dựng, thực hiện và giám sát Luật nằm ở việc nó không chỉ giúp đạt được các cam kết pháp lý quốc tế mà còn giúp tăng cường những thành tựu về sức khỏe, đặc biệt cho các nhóm dân số dễ bị tổn thương. Những cải thiện cho các nhóm dân số này hiển nhiên sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa giúp nâng cao tình trạng sức khỏe của toàn dân. Chẳng hạn mỗi một mục tiêu trên đây đều phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững 3 nhằm mục đích đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường hạnh phúc cho mọi người dân ở các độ tuổi khác nhau. Mục tiêu phát triển bền vững nêu bật thực tế rằng “Những người trẻ tuổi đồng thời cũng là những người rất dễ bị tổn thương,

36. *Tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh ở mức cao trong các khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt là ở Trung du và miền núi phía Bắc và ở Tây Nguyên. Đây là hai khu vực được coi là kém phát triển và có tỉ lệ tử vong trẻ sơ sinh ở mức cao (22,4 và 25,9 trẻ tử vong/1000 trẻ sinh ra), cao hơn rất nhiều so với mức độ bình quân quốc gia. Sự khác biệt này phản ánh những hạn chế trong phát triển kinh tế-xã hội và chất lượng cuộc sống; Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm 1/4/2014: Các kết quả chính, Tổng cục thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trang 80-81. Xem thêm về sự khác biệt trong mức độ chăm sóc tiền sản cho hai vùng này trong Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014, trang 149.*

37. *Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014, trang 154.*

38. *Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 37-38.*

39. *Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 38.*

40. *Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 38.*

41. *Ví dụ như “tỉ lệ phụ nữ trẻ tuổi từ 15-24 nhận dạng đúng các biện pháp phòng tránh lây nhiễm HIV qua đường tình dục và không có những hiểu lầm đáng kể về lây nhiễm HIV là 49.3%”; Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014, trang 8.*

42. *Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 38.*

43. *Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011-2020, trang 11-14.*

phải đối mặt với tỷ lệ nhiễm HIV cao cũng như gặp phải nhiều rào cản trong chăm sóc và tiếp cận thông tin sức khỏe sinh sản.”⁴⁴ Mục tiêu 8 nêu trên là một mục tiêu chiến lược quan trọng thống nhất với Mục tiêu phát triển bền vững này. Đối với vấn đề nhiễm HIV, việc tập trung vào nhóm đối tượng thanh niên và các nhóm dân số dễ bị tổn thương khác là điều có ý nghĩa cả về mặt dịch tễ học cũng như về mặt nhân quyền, giúp giảm thiểu gánh nặng bệnh tật cho toàn quốc gia. Như vậy những mục tiêu này không chỉ có liên quan đến luật và chính sách dân số mà chúng còn là những ưu tiên quan trọng đối với phát triển và sức khỏe ở Việt Nam. Việc chú trọng đến những quyền này, ví dụ như quyền được chăm sóc sức khỏe (như sẽ được thảo luận sâu hơn trong phần sau) và quyền tiếp cận thông tin có thể giúp nhận dạng nhóm dân số nào dễ bị tổn thương, qua đó tạo cơ sở định hướng chính sách để làm thế nào đáp ứng tốt nhất nhu cầu của họ. Đây cũng chính là một trong những lợi ích căn bản của cách tiếp cận trên cơ sở quyền con người.

Một số cam kết nhân quyền quốc tế liên quan đến Phát triển con người và Sức khỏe sinh sản

Trong bối cảnh hiện nay, quyền được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất⁴⁵ có thể xem là cam kết phù hợp nhất đối với các nỗ lực trong lĩnh vực y tế và phát triển của Việt Nam. Chú thích chung số 14 của Ủy ban về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (CESCR) về quyền được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất đưa ra những hướng dẫn quy chuẩn về nội dung và ý nghĩa của quyền này.⁴⁶ Quyền về sức khỏe không chỉ giới hạn ở việc chăm sóc sức khỏe hay như thường được hiểu là quyền được khỏe mạnh mà còn bao hàm cả

việc đảm bảo các điều kiện cần thiết để có một cuộc sống khỏe mạnh trong đó có những điều kiện căn bản tác động đến sức khỏe (như dinh dưỡng, vệ sinh và thông tin về dịch vụ y tế đầy đủ).⁴⁷ Một thực tế được công nhận hiển nhiên chính là phát triển không thể đạt hiệu quả nếu các điều kiện căn bản này không được giải quyết một cách thoả đáng.

Mỗi mục tiêu nêu trên đều hỗ trợ cho nỗ lực của Việt Nam trong việc bảo đảm quyền được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất. Thêm vào đó, việc chú trọng đến quyền về sức khỏe có tác dụng trong việc đề ra các chính sách và luật pháp liên quan. Ví dụ như Chú thích chung số 22 của Ủy ban về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (CESCR) liên quan tới quyền về sức khỏe sinh sản và tình dục (Điều 12 của ICESCR) đã đề ra bốn nhân tố thiết yếu có quan hệ mật thiết với nhau. Trước đây, các yếu tố này được coi là một phần cấu thành quyền về sức khỏe, và trong hoàn cảnh cụ thể của quyền về sức khỏe sinh sản và tình dục hiện nay, chúng được xác định một cách riêng biệt là các yếu tố về *tính sẵn có, dễ dàng tiếp cận, chấp nhận được và có chất lượng của những cơ sở y tế, hàng hóa, thông tin và dịch vụ*.⁴⁸ Khi đã xác định như vậy, những yếu tố này chính là công cụ hữu hiệu để chúng ta hình dung rõ ràng về cách thức cung cấp các dịch vụ sức khỏe sinh sản một cách hiệu quả hơn.⁴⁹

44. <http://www.unfpa.org/sdg>.

45. Ví dụ như Điều 12 Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội (ICESCR), Điều 24 Công ước quốc tế quyền trẻ em (CRC), Điều 25 Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD), Điều 12 Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Điều 25 Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền (UDHR).

46. Chú thích chung số 14, Ủy ban Liên hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Quyền có được tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe cao nhất, Văn bản của Liên hợp quốc số E/C.12/2000/4 (2000).

47. Chú thích chung số 14, Ủy ban Liên hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Quyền có được tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe cao nhất, Văn bản của Liên hợp quốc số E/C.12/2000/4 (2000).

48. Chú thích chung số 22, Ủy ban Liên hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Quyền đối với sức khỏe sinh sản và tình dục (Điều 12 của Hiệp ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa), Văn bản của Liên hợp quốc số E/C.12/GC/22 (2016); Chú thích chung số 14, Ủy ban Liên hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Quyền có được tiêu chuẩn sức khỏe cao nhất, Văn bản của Liên hợp quốc số E/C.12/2000/4 (2000).

49. Chú thích chung số 22, Ủy ban Liên hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Quyền đối với sức khỏe sinh sản và tình dục (Điều 12 của Hiệp ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa), Văn bản của Liên hợp quốc số E/C.12/GC/22 (2016); Chú thích chung số 14, Ủy ban Liên hợp quốc về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Quyền có được tiêu chuẩn chăm sóc sức khỏe cao nhất, Văn bản của Liên hợp quốc số E/C.12/2000/4 (2000).

A. Các các cơ sở chăm sóc sức khỏe và sức khỏe sinh sản, hàng hóa và dịch vụ và các chương trình phải sẵn có với số lượng đầy đủ

- Ví dụ, cần có các cơ sở và dịch vụ ở khắp các khu vực địa lý để đảm bảo rằng dân số ở cả các vùng nông thôn, chứ không phải chỉ ở thành thị, có thể dễ dàng tiếp cận đến chăm sóc sức khỏe sinh sản. Giờ làm việc cần phải linh hoạt để những người đang đi làm có thể tiếp cận những dịch vụ này khi cần.

B. Có thể tiếp cận được đối với tất cả mọi người, không phân biệt đối xử; thực hiện trên cơ sở tôn trọng y đức và văn hóa của các cá nhân, cộng đồng thiểu số, có tính đến đặc điểm về giới và các yêu cầu khác nhau trong từng giai đoạn cuộc đời của con người.

- Ví dụ, các nhóm dân tộc thiểu số hiện nay đang phải đối mặt với thách thức trong việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam.⁵⁰ Nỗ lực tăng cường khả năng tiếp cận không chỉ đơn thuần chú trọng vào tiếp cận thể chất mà còn bao gồm cả vấn đề biên dịch và sử dụng ngôn ngữ phù hợp.

C. Có thể chấp nhận được đối với từng nhóm dân số và đảm bảo tôn trọng tính bảo mật và nâng cao tình trạng sức khỏe của các đối tượng liên quan

- Ví dụ, cần bảo mật thông tin y khoa (của bệnh nhân) vì nó có quan hệ trực tiếp tới quyền riêng tư, đồng thời cần làm việc với người dân địa phương để đảm bảo họ chấp nhận cách thức cung cấp các dịch vụ y tế trên cơ sở nhận thức rõ sự khác biệt giữa các cộng đồng dân cư và các địa phương (tỉnh).

D. Phù hợp về mặt y tế và khoa học cũng như đảm bảo chất lượng

- Chất lượng bao hàm việc đảm bảo thuốc vẫn còn hạn sử dụng, đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản, cách thức điều trị được cập nhật, an toàn và phù hợp trên góc độ y tế.

Mỗi một yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến cách thức cung cấp, chấp nhận, và sử dụng dịch vụ y tế. Việc chúng được đề cập một cách đầy đủ và rõ ràng có thể mang lại những tác động đáng kể trong việc tăng cường các kết quả dân số.

50. Xem thêm về sự khác biệt về nội dung chăm sóc tiền sản giữa các nhóm dân tộc thiểu số và người Kinh/Hoa, Điều tra Đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ 2014, Tổng cục thống kê Việt Nam, trang 155.



III. ĐỊNH HƯỚNG CHO TƯƠNG LAI

Một khung pháp luật xây dựng trên cơ sở quyền con người sẽ hữu ích để nâng cao hiệu quả của luật dân số trong những mối quan tâm hợp lý đến quy mô dân số, cơ cấu dân số, di cư, y tế và phát triển. Một khung pháp luật như vậy góp phần đánh giá thực trạng chính sách và giải quyết các khoảng trống trên góc độ quyền con người, đồng thời cũng đạt được các mục tiêu về chính sách dân số và phát triển. Dưới đây là một số nguyên tắc dựa trên các quyền chủ yếu đã được đề cập ở trên nhằm minh họa một cách ngắn gọn về cách thức vận dụng các nguyên tắc này trong thực tế để hỗ trợ cho quá trình sửa đổi luật dân số.

1. Quyền không phân biệt đối xử. Ngoài những điều khoản chung cam kết không phân biệt đối xử, Luật còn có thể đảm bảo không xảy ra phân biệt đối xử trong quá trình thực thi các mục tiêu của luật. Một bước quan trọng trong hướng đi này là phải đưa ra những nhận định cụ thể không chỉ về việc làm thế nào để đạt được những kết quả đầu ra về sức khỏe thông qua chính sách mà cần cụ thể hóa cách thức để

đạt được những kết quả đó. Chẳng hạn, cần có số liệu được phân tổ phù hợp theo các yếu tố khác nhau để phân tích xem liệu phân biệt đối xử có xảy ra hay không. Việc đánh giá để xác định xem có hay không sự phân biệt đối xử đòi hỏi những nỗ lực đáng kể như phải phỏng vấn những nhóm dân cư khó tiếp cận mà phần nhiều trong số họ là nạn nhân bị phân biệt đối xử khi tiếp cận dịch vụ và hàng hóa liên quan.

2. Quyền được tham gia. Để Luật dân số có thể đạt được những kết quả như đề ra, cần thiết phải đảm bảo những cộng đồng bị ảnh hưởng có khả năng tham gia vào quá trình phát triển và giám sát luật. Một cách lý tưởng thì quyền tham gia phải được thực hiện thông qua đại diện của nhiều nhóm dân số khác nhau là đối tượng của luật, đồng thời ý kiến của họ phải được cân nhắc. Tối thiểu thì đại diện của những nhóm dân số bị ảnh hưởng phải có vai trò nhất định trong quá trình lập kế hoạch và phải thấy rằng dự thảo luật là cần thiết và có thể chấp nhận, đồng thời họ cũng

được tham gia trong quá trình thực hiện và giám sát luật trong tương lai.⁵¹

3. **Quyền ra quyết định khi có đầy đủ thông tin.** Nguyên tắc tự chủ thể hiện qua việc tự do đưa ra mọi quyết định trên cơ sở có đủ thông tin là trọng tâm của vấn đề y đức và cũng được đề cập rõ trong luật nhân quyền. Điều này bao hàm việc đưa ra những quyết định và thủ tục y tế mang tính đồng thuận sáng suốt. Cần quan tâm đến quyền đưa ra quyết định khi có đầy đủ thông tin vì quyền này liên quan tới việc ra quyết định về sức khỏe sinh sản và sẽ là một điều khoản rất hữu ích để đưa vào luật mới.
4. **Quyền đảm bảo tính sẵn có, có thể tiếp cận được, có thể chấp nhận được và có chất lượng của các loại hàng hóa và dịch vụ có liên quan.** Cần quan tâm một cách hệ thống tới việc đảm bảo tính sẵn có, có thể tiếp cận, có thể chấp nhận được và chất lượng của những hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến sức khỏe, bao gồm dịch vụ xã hội. Việc đề cập cụ thể những khái niệm này là cách trực tiếp để đưa các quyền về sức khỏe vào trong luật dân số.

5. **Quyền minh bạch và đáng tin cậy.** Minh bạch và đáng tin cậy là yếu tố then chốt đối với việc thực thi luật dân số trong tương quan với các cam kết quốc tế về quyền con người của Việt Nam. Đối với việc thực thi luật pháp, vấn đề sống còn là phải xác định được một cách minh bạch ai là người chịu trách nhiệm thực thi những biện pháp dân số và đánh giá làm thế nào để đạt được những biện pháp này. Điều này bao hàm việc đặt ra các chuẩn mực và chỉ số để giám sát hoạt động, lý tưởng là dựa trên những số liệu đã được phân tử và có chất lượng cao. Thêm vào đó, một cơ chế hoạt động trong đó người dân có thể khiếu nại và tiếp cận các biện pháp khắc phục sẽ giúp tăng cường độ tin cậy. Ở phạm vi quốc tế, chú trọng vào việc đưa yếu tố về quyền con người vào luật dân số sẽ giúp nâng cao uy tín của Việt Nam trong việc tuân thủ những cam kết nhân quyền quốc tế.

51. Mặc dù đang trong bối cảnh lập chương trình nhưng Chương trình Tiếp cận dựa trên Nhân quyền của Quỹ dân số Liên hợp quốc cung cấp hướng dẫn hữu ích về quyền tham gia, theo đó “đảm bảo mọi đối tượng có quyền lợi liên quan của quốc gia thực sự làm chủ các quá trình phát triển trong mọi giai đoạn của chu kỳ kế hoạch hóa, từ việc đánh giá phân tích đến thiết kế, thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả”. Để thực sự đạt được điều này, quá trình kế hoạch hóa phải “năng động, tự do và có ý nghĩa”. Việc tham dự phải được nhìn nhận theo cách thúc đẩy sự hiểu biết và quyền ra quyết định. Chiến lược phát triển cần trao quyền cho người dân, đặc biệt là những người bị tách biệt khỏi xã hội nhằm đưa những nguyện vọng của họ đến chính phủ và những bên có trách nhiệm. Đồng thời cũng khiến họ tự chịu trách nhiệm về quá trình phát triển của mình. Vấn đề này cũng được nêu ra trong “lãng kính văn hóa” của Quỹ dân số Liên hợp quốc. Theo đó chúng ta cần thảo luận, lắng nghe và làm trung gian hòa giải với các nhóm cộng đồng, các nhà lãnh đạo tôn giáo, quan chức chính phủ và bất cứ ai có thể bị ảnh hưởng bởi quá trình kế hoạch hóa, theo Chương trình Tiếp cận dựa trên Nhân quyền của Quỹ dân số Liên hợp quốc, trang 76.



KẾT LUẬN

Nhìn chung, khung pháp luật về dân số của Việt Nam đã bao gồm những biện pháp mạnh mẽ đồng thuận với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về quyền con người, tuy nhiên vẫn còn nhiều điểm có thể cải thiện được. Đáng kể nhất vẫn là việc Luật dân số mới có thể được củng cố thông qua việc chú trọng trực tiếp đến vấn đề quyền con người. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc chú trọng có mục đích và nhất quán vấn đề về quyền con người trong mọi giai đoạn phát triển và thực thi luật pháp có thể nâng cao sức khỏe và phát triển của dân số, đồng thời tạo ra những tiến bộ công bằng và bền vững hơn.

Để luật dân số có thể vận hành trong một môi trường thuận lợi hướng đến đạt được tiêu chuẩn cao nhất về sức khỏe cho người dân Việt Nam, cần phải giải quyết những tác động của phân biệt đối xử, bất bình đẳng giới và đảm bảo cung cấp dịch vụ y tế công bằng. Một số khái niệm quốc tế về quyền con người đã được thảo luận trong bài viết này, bao gồm các vấn đề về không phân biệt đối xử và bình đẳng, các khía cạnh liên quan đến quyền về sức khỏe, quyền được tham gia và được thừa nhận; quyền tiếp cận thông tin và ra các quyết định trên cơ sở có đủ thông tin;

quyền được giáo dục; quyền quyết định có sinh con hay không, thời điểm sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh, cũng như thông tin và cách thức thực hiện những quyền này.⁵² Vấn đề quyền con người mang tính tương hỗ và không thể tách rời đòi hỏi sự tham gia của nhiều bên liên quan để thúc đẩy hợp tác giữa các ngành và các cấp chính phủ cũng như với các đối tác bên ngoài và các thành viên trong cộng đồng, cùng hướng tới sự phát triển và chăm sóc sức khỏe của dân tộc Việt Nam. Hợp tác liên ngành với sự tham gia của các tổ chức xã hội dân sự có liên quan trong việc hỗ trợ quá trình ra quyết định, sẽ giúp nâng cao quyền tham gia và cuối cùng sẽ cải thiện các kết quả về sức khỏe. Trên cơ sở những thành công đã đạt được, chúng tôi thực sự hy vọng vấn đề về quyền con người sẽ được lồng ghép nhiều hơn và đóng vai trò là các nguyên tắc chủ đạo trong hệ thống văn bản pháp luật về dân số, là cẩm nang và là công cụ cho việc phát triển chính sách dân số nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, sức khỏe và hạnh phúc của người dân Việt Nam.

52. Xem phụ lục cho những điều khoản hiệp ước ước cụ thể.



PHỤ LỤC: CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI VÀ KHUNG PHÁP LUẬT VỀ DÂN SỐ CỦA VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia thành viên của một số công ước quốc tế cốt lõi về quyền con người, bao gồm Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR), Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR), Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước chống tra tấn (CAT), Công ước về quyền trẻ em (CRC) và Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD). Phụ lục này nêu một số nguyên tắc quốc tế về quyền con người phù hợp với các nỗ lực về dân số và phát triển tại Việt Nam được chọn lọc từ những công ước trên. Để đảm bảo tính ngắn gọn và chính xác, mỗi nguyên tắc được thảo luận trong Nghiên cứu chính sách sẽ được minh họa đầy đủ bởi một công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là một quốc gia thành viên, đi kèm với trích dẫn những điều khoản phù hợp từ các công ước hoặc văn bản khác. Vì cách diễn đạt và áp dụng của các điều trong mỗi công ước là khác nhau nên khi dẫn chiếu một điều trong công ước nào đó thì cần cân nhắc nội dung cụ thể của công ước đó. Danh sách này cung cấp chi tiết các nội dung chính trong các cam kết quốc tế về quyền con người của Việt Nam liên quan đến vấn đề dân số và phát triển.

Ngoài ra, Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD), được tổ chức tại Cairo năm 1994, mà kết quả là sự ra đời của Chương trình hành động ICPD có lẽ là cam kết chính trị quốc tế phù hợp nhất thể hiện sự đồng thuận quốc tế về dân số và phát triển. Vai trò quan trọng của Việt Nam trong tiến trình ICPD đã được biết đến - và những nguyên tắc được thống nhất tại Cairo vào năm 1994 vẫn phù hợp với tình hình hiện nay. Về tổng thể, Chương trình hành động này là hoàn toàn phù hợp, nhưng có một số nội dung có thể được phân tích kỹ hơn về khía cạnh quyền con người vì chúng đặc biệt rất phù

hợp với các nỗ lực hiện tại của Việt Nam về dân số và phát triển. Báo cáo chính sách này cùng với các cam kết về quyền con người và điều khoản ICPD là những tài liệu hướng dẫn và nhằm nhấn mạnh một số nghĩa vụ pháp lý mà Việt Nam đã lựa chọn thực hiện.

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ BÌNH ĐẲNG

Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)

• Điều 2.1 - [Không phân biệt đối xử]:

Các quốc gia thành viên Công ước cam kết tôn trọng và bảo đảm cho mọi người trong phạm vi lãnh thổ và thẩm quyền tài phán của mình các quyền đã được công nhận trong Công ước này, không có bất kỳ sự phân biệt nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc vị thế khác .

• Điều 3 - [Bình đẳng giữa Nam và Nữ]

Các quốc gia thành viên Công ước cam kết đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thực hiện tất cả các quyền dân sự và chính trị mà Công ước đã quy định.

• Điều 26 - [Bình đẳng và không phân biệt đối xử trước Pháp luật]

Mọi người đều bình đẳng trước Pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ một cách bình đẳng mà không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào. Về mặt này, pháp luật phải nghiêm cấm mọi sự phân biệt đối xử và đảm bảo tất cả mọi người được bình đẳng và không phân biệt về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc vị thế khác.

Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)

Điều 2.2 - [Không phân biệt đối xử]

Các quốc gia thành viên Công ước đảm bảo quyền được nêu rõ trong Công ước này sẽ được thực hiện mà không có bất kỳ sự phân biệt chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, tài sản, thành phần xuất thân hoặc vị thế khác.

Điều 3 - [Bình đẳng giữa Nam và Nữ]

Các quốc gia thành viên Công ước cam kết đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thực hiện tất cả các quyền dân sự và chính trị mà Công ước đã quy định.

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

Toàn bộ Công ước đều thích hợp. Một số điều được lựa chọn:

Điều 1 - Không phân biệt đối xử

Trong khuôn khổ Công ước này, thuật ngữ “phân biệt đối xử với phụ nữ” sẽ có nghĩa là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ hay hạn chế nào được đưa ra dựa trên cơ sở giới tính, mà có tác động hoặc nhằm mục đích làm tổn hại hoặc vô hiệu hóa việc phụ nữ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ như thế nào và trên cơ sở bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ, được công nhận, hưởng thụ hay thực hiện các quyền con người và tự do cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, dân sự hay bất kể lĩnh vực nào khác.

Điều 2 - Các biện pháp chính sách

Các quốc gia thành viên Công ước lên án sự phân biệt đối xử với phụ nữ thể hiện dưới mọi hình thức, đồng ý áp dụng tất cả những biện pháp thích hợp và không chậm trễ để thực hiện một chính sách xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ, và nhằm mục đích đó, cam kết:

(a) Thể hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong hiến pháp nước mình, hoặc trong các văn bản pháp luật thích hợp khác, nếu như nguyên tắc này chưa

được đưa vào trong hiến pháp, và bảo đảm việc thực hiện các nguyên tắc này trên thực tế thông qua luật và các biện pháp thích hợp khác;

(b) Thông qua các biện pháp pháp lý và các biện pháp thích hợp khác, kể cả việc trừng phạt trong những trường hợp cần thiết, nhằm ngăn cấm tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ;

(c) Thiết lập sự bảo vệ về mặt luật pháp các quyền của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng với nam giới và bảo vệ phụ nữ một cách có hiệu quả chống lại bất kỳ hành động phân biệt đối xử nào thông qua các Tòa án quốc gia có thẩm quyền và các thiết chế công khác;

(d) Chấm dứt tham gia bất kỳ hành động hoặc hoạt động nào có tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ và bảo đảm rằng các giới chức và cơ quan chính quyền sẽ hành động phù hợp với nghĩa vụ này;

(e) Thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp nhằm xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ do bất kỳ cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan nào tiến hành;

(f) Thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp, kể cả về mặt pháp lý, nhằm sửa đổi hoặc xoá bỏ các luật và văn bản pháp luật hiện hành, các tập quán và phong tục tạo nên sự phân biệt đối xử với phụ nữ;

(g) Hủy bỏ tất cả quy định hình sự quốc gia mà tạo nên sự phân biệt đối xử với phụ nữ.

Điều 5 - Thành kiến và nhận thức rập khuôn về vai trò giới

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp để:

(a) Sửa đổi các khuôn mẫu văn hóa - xã hội về hành vi của nam giới và phụ nữ nhằm đạt được việc xoá bỏ những thành kiến, phong tục tập quán và tất cả những hành động khác mà dựa trên tư tưởng thiên vị giới, hoặc dựa trên nhận thức mang tính rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ.

(b) Đảm bảo rằng giáo dục về gia đình bao gồm sự hiểu biết phù hợp về tính chất xã hội của chức năng làm mẹ và công nhận trách nhiệm chung của cả nam giới và phụ nữ đối với sự trưởng thành và phát triển của con cái họ. Cần phổ biến nhận thức rằng trong tất cả các trường hợp, lợi ích của trẻ em cần phải đặt lên hàng đầu.

• **Điều 6 - Buôn bán người/Mại dâm**

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp, kể cả về lập pháp, để xoá bỏ tất cả các hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột mại dâm phụ nữ.

• **Điều 10 - Giáo dục**

Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ nhằm bảo đảm cho họ được hưởng các quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh vực giáo dục, cụ thể nhằm bảo đảm những vấn đề dưới đây trên cơ sở bình đẳng nam nữ:

- (a) Những điều kiện như nhau trong giáo dục hướng nghiệp, học nghề, tiếp cận với các hoạt động nghiên cứu và đạt được bằng cấp ở các cơ sở giáo dục thuộc những tất cả các loại hình khác nhau, ở vùng nông thôn cũng như thành thị; sự bình đẳng này phải được bảo đảm từ giai đoạn giáo dục mẫu giáo, phổ thông, đào tạo kỹ thuật, chuyên môn, kể cả đào tạo kỹ thuật bậc cao, cũng như tất cả các loại hình đào tạo nghề;
- (b) Tiếp cận những chương trình giảng dạy và thi cử như nhau, các giáo viên với trình độ chuyên môn tương đương, cơ sở vật chất và trang bị của trường học có chất lượng tương đương;
- (c) Xoá bỏ mọi quan niệm rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ ở tất cả các cấp và trong tất cả các hình thức giáo dục, bằng cách khuyến khích hình thức giáo dục chung cho cả học sinh nam và nữ, và các hình thức giáo dục khác mà có tác dụng đạt tới mục tiêu này, thông qua việc sửa đổi sách giáo khoa, chương trình

học tập, và điều chỉnh các phương pháp giảng dạy;

- (d) Nam giới và phụ nữ có những cơ hội như nhau về học bổng và các trợ cấp học tập khác;
- (e) Phụ nữ được tạo những cơ hội như nam giới trong việc tham gia các chương trình giáo dục thường xuyên, bao gồm các chương trình xóa mù chữ cho người lớn, đặc biệt là những chương trình nhằm thu hẹp, trong thời gian ngắn nhất có thể, bất kỳ khoảng cách nào về giáo dục giữa nam giới và phụ nữ;
- (f) Giảm tỷ lệ nữ sinh bỏ học và tổ chức các chương trình dành cho những phụ nữ và trẻ em gái đã phải bỏ học sớm;
- (g) Đảm bảo cơ hội bình đẳng trong việc tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục thể chất và các hoạt động thể thao;
- (h) Bình đẳng trong việc tiếp cận với những thông tin giáo dục riêng biệt về đảm bảo sức khỏe và hạnh phúc gia đình, kể cả những thông tin và tư vấn về kế hoạch hóa gia đình.

• **Điều 12 - Y tế**

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nhằm đảm bảo cho họ, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm những dịch vụ liên quan đến kế hoạch hóa gia đình.
2. Ngoài những quy định trong khoản 1 điều này, các quốc gia thành viên Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ các dịch vụ thích hợp liên quan đến việc thai nghén, sinh đẻ và thời gian sau khi đẻ, cung cấp các dịch vụ miễn phí nếu cần thiết, đảm bảo cho phụ nữ có đầy đủ dinh dưỡng trong thời gian mang thai và cho con bú.

• **Điều 14 - Phụ nữ nông thôn**

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải xem xét các vấn đề cụ thể đặt ra đối với phụ nữ nông thôn và vai

trò quan trọng của phụ nữ nông thôn trong đời sống kinh tế gia đình, bao gồm công việc của họ trong khu vực kinh tế không dựa trên tiền tệ, và phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo việc thực hiện các điều khoản của Công ước này đối với phụ nữ ở các vùng nông thôn.

2. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ ở các vùng nông thôn để đảm bảo, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, việc họ tham gia và được hưởng lợi từ sự phát triển nông thôn; đặc biệt, đảm bảo cho phụ nữ nông thôn các quyền:
 - (a) Được tham gia xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển ở tất cả các cấp;
 - (b) Được tiếp cận với những điều kiện chăm sóc sức khỏe thích đáng, kể cả về thông tin, tư vấn và những dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;
 - (c) Được hưởng lợi ích trực tiếp từ các chương trình an sinh xã hội;
 - (d) Được tham gia tất cả các loại hình đào tạo, giáo dục, kể cả chính quy và không chính quy, bao gồm các chương trình xoá mù chữ, và ngoài những vấn đề khác, được hưởng lợi từ những dịch vụ chung trong cộng đồng để nâng cao năng lực kỹ thuật của họ;
 - (e) Được tổ chức các nhóm tương trợ và các hợp tác xã để đạt được sự bình đẳng về cơ hội kinh tế qua các việc làm công ăn lương hoặc việc làm độc lập;
 - (f) Được tham gia tất cả các hoạt động của cộng đồng;
 - (g) Được tiếp cận với các loại hình tín dụng và vay vốn trên lĩnh vực nông nghiệp, những hỗ trợ về thị trường, kỹ thuật phù hợp và được đối xử bình đẳng trong cải cách ruộng đất, cải cách nông

ng nghiệp, cũng như trong các dự án quy hoạch lại đất đai;

- (h) Được hưởng các điều kiện sống thích đáng, nhất là về vấn đề nhà ở, điều kiện vệ sinh, cung cấp điện nước, giao thông và thông tin liên lạc.

Công ước về quyền trẻ em (CRC)

• Điều 2 - [Không phân biệt đối xử]

1. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo đảm các quyền được nêu ra trong Công ước này đối với mỗi trẻ em thuộc quyền tài phán của họ mà không có bất cứ một sự phân biệt đối xử nào, bất kể trẻ em, cha mẹ hay người giám hộ pháp lý của trẻ em đó thuộc chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến, nguồn gốc quốc gia, dân tộc hay xã hội, tài sản, khuyết tật, thành phần xuất thân hoặc vị thế khác.
2. Các quốc gia thành viên phải thi hành tất cả các biện pháp thích hợp để bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức phân biệt đối xử hoặc trừng phạt trên cơ sở địa vị, hoạt động, ý kiến phát biểu hoặc tín ngưỡng của cha mẹ, người giám hộ pháp lý hoặc những thành viên gia đình khác của trẻ em.

• Điều 23.1 - [Cuộc sống trọn vẹn và đầy đủ cho trẻ em khuyết tật]

1. Các quốc gia thành viên công nhận rằng trẻ em khuyết tật về tinh thần hay thể chất cần được hưởng một cuộc sống trọn vẹn và đầy đủ trong những điều kiện đảm bảo phẩm giá, thúc đẩy khả năng tự lực và tạo điều kiện cho trẻ em tham gia tích cực vào cộng đồng.

• Điều 30 - [Bảo vệ các nhóm dân tộc thiểu số về chủng tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ]

Ở các quốc gia có tồn tại các nhóm dân tộc thiểu số về chủng tộc, tôn giáo hay ngôn ngữ hoặc có những người gốc bản địa, những trẻ em thuộc một nhóm dân tộc thiểu số như thế hoặc là người bản địa sẽ không bị khước từ quyền được hưởng nền văn hoá của mình, tuyên bố và thực hành tôn giáo và sử dụng ngôn ngữ của

mình cùng với những thành viên khác trong cộng đồng.

Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)

Toàn bộ công ước đều thích hợp. Một số điều được lựa chọn:

• Điều 1 - [Định nghĩa phân biệt chủng tộc]

1. Trong Công ước này, thuật ngữ “phân biệt chủng tộc” nghĩa là bất kỳ sự phân biệt, loại trừ, hạn chế hoặc ưu đãi nào dựa trên cơ sở chủng tộc, màu da, dòng dõi, nguồn gốc dân tộc hoặc sắc tộc, với mục đích hoặc có tác dụng vô hiệu hóa hay làm giảm sự thừa nhận, hưởng thụ hoặc thực hành, trên cơ sở bình đẳng, các quyền và tự do cơ bản của con người về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá hoặc về bất kỳ lĩnh vực nào khác của đời sống công cộng.
2. Công ước này sẽ không áp dụng đối với những phân biệt, loại trừ, hạn chế hoặc ưu đãi mà một quốc gia thành viên Công ước áp dụng giữa những người là công dân quốc gia đó và những người không là công dân quốc gia đó.
3. Không một điều nào trong Công ước này được hiểu với ý nghĩa nhằm tác động dưới bất cứ hình thức nào tới các quy định pháp luật của các quốc gia thành viên trong các vấn đề về quốc tịch, quyền công dân hoặc nhập quốc tịch, với điều kiện là những quy định như vậy không mang tính chất phân biệt chống lại bất cứ một dân tộc cụ thể nào.
4. Những biện pháp đặc biệt được thi hành với mục tiêu duy nhất là bảo đảm sự tiến bộ thích đáng của một số nhóm chủng tộc, sắc tộc hoặc cá nhân nhất định, mà sự bảo vệ ấy là cần thiết để đảm bảo cho các nhóm hoặc các cá nhân đó được hưởng thụ các quyền con người và các tự do cơ bản, sẽ không bị coi là sự phân biệt chủng tộc; tuy nhiên, với điều kiện là những biện pháp đó cuối cùng sẽ không dẫn tới việc duy trì những

quyền riêng cho những nhóm chủng tộc khác nhau, và những biện pháp đó sẽ phải được chấm dứt khi mục tiêu đặt ra đó đạt được.

• Điều 2 - [Cam kết của các quốc gia thành viên nhằm chấm dứt phân biệt đối xử]

1. Các quốc gia thành viên lên án sự phân biệt chủng tộc và cam kết theo đuổi bằng mọi biện pháp cần thiết và không trì hoãn một chính sách xoá bỏ sự phân biệt chủng tộc dưới bất cứ hình thức nào và thúc đẩy sự hiểu biết giữa tất cả các chủng tộc, và để đạt được mục tiêu này:
 - (a) Mỗi quốc gia thành viên cam kết sẽ không tham dự vào hoặc tiến hành các hành động phân biệt chủng tộc chống lại các cá nhân, nhóm người hay tổ chức nào và đảm bảo rằng, mọi cán bộ chính quyền cũng như các cơ quan nhà nước, ở cấp độ quốc gia và địa phương, sẽ hành động phù hợp với những nghĩa vụ này;
 - (b) Mỗi quốc gia thành viên cam kết không bảo trợ, bảo vệ hoặc giúp đỡ hành động phân biệt chủng tộc của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào;
 - (c) Mỗi quốc gia thành viên sẽ có những biện pháp hữu hiệu để rà soát lại các chính sách của chính phủ trung ương và chính quyền các địa phương và sẽ sửa đổi, huỷ bỏ hoặc vô hiệu hoá bất cứ đạo luật hay quy định nào có thể tạo ra hoặc tạo điều kiện cho sự phân biệt chủng tộc ở bất cứ đâu;
 - (d) Mỗi quốc gia thành viên sẽ ngăn cấm và xoá bỏ hành động phân biệt chủng tộc của bất cứ cá nhân, tổ chức hoặc nhóm người nào bằng mọi biện pháp thích hợp, bao gồm cả bằng biện pháp lập pháp nếu thấy cần thiết;
 - (e) Mỗi quốc gia thành viên cam kết sẽ khuyến khích, ở nơi nào thấy phù hợp, các tổ chức và phong trào Liên kết đa chủng tộc, cũng như các biện pháp khác nhằm

xoá bỏ sự ngăn cách giữa các chủng tộc, và hạn chế bất cứ điều gì có thể làm tăng sự phân biệt chủng tộc.

2. Các quốc gia thành viên, trong trường hợp cho phép, sẽ có những biện pháp đặc biệt và cụ thể trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá và những lĩnh vực khác để đảm bảo sự phát triển thích đáng và bảo vệ một số nhóm chủng tộc hoặc cá nhân thuộc các chủng tộc đó, với mục đích nhằm giúp họ được hưởng đầy đủ và bình đẳng các quyền con người và tự do cơ bản. Những biện pháp này trong mọi trường hợp không được dẫn tới việc duy trì sự bất bình đẳng hoặc các quyền riêng cho những nhóm chủng tộc khác nhau sau khi mục tiêu đề ra đó thực hiện.

• *Điều 5 [Các quyền được thiết lập]*

Phù hợp với những nghĩa vụ cơ bản nêu trong điều 2 Công ước này, các quốc gia thành viên cam kết sẽ cấm và xoá bỏ sự phân biệt chủng tộc dưới mọi hình thức và đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hay sắc tộc, đặc biệt trong việc hưởng những quyền sau đây:

- (a) Quyền được đối xử bình đẳng trước các toà án cũng như trước các cơ quan tài phán khác;
- (b) Quyền an ninh cá nhân và được nhà nước bảo vệ chống lại những hành vi bạo lực hoặc gây xâm hại đến thân thể do các nhân viên nhà nước gây ra hoặc do bất cứ cá nhân, nhóm người hoặc cơ quan nào gây ra;
- (c) Những quyền về chính trị, đặc biệt là quyền tham gia bầu cử - được đi bầu và được ứng cử - trên cơ sở phổ thông đầu phiếu bình đẳng, quyền được tham gia vào chính phủ cũng như các hoạt động công cộng khác ở mọi cấp và được bình đẳng trong tiếp cận với các dịch vụ công cộng;
- (d) Các quyền dân sự khác, đặc biệt là:
 - (i) *Quyền tự do đi lại và cư trú trong phạm vi lãnh thổ quốc gia;*

(ii) *Quyền được xuất cảnh khỏi bất cứ quốc gia nào, kể cả nước mình, và được quay trở lại nước mình;*

(iii) *Quyền có quốc tịch;*

(iv) *Quyền được kết hôn và được tự do lựa chọn vợ/chồng;*

(v) *Quyền sở hữu tài sản riêng cũng như sở hữu chung với những người khác;*

(vi) *Quyền thừa kế;*

(vii) *Quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo;*

(viii) *Quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí;*

(ix) *Quyền tự do hội họp và lập hội một cách hoà bình;*

(e) Các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá, cụ thể là:

(i) *Quyền được làm việc, được tự do lựa chọn việc làm và được có các điều kiện làm việc công bằng, thuận lợi, được bảo vệ không thất nghiệp, được trả lương bình đẳng cho những công việc tương đương, được trả công công bằng và thích đáng;*

(ii) *Quyền được thành lập và tham gia các nghiệp đoàn;*

(iii) *Quyền có nhà ở;*

(iv) *Quyền được tiếp cận với y tế công cộng, chăm sóc sức khoẻ, an sinh xã hội và dịch vụ xã hội;*

(v) *Quyền được giáo dục và đào tạo;*

(vi) *Quyền được tham gia bình đẳng vào các hoạt động văn hoá.*

(f) *Quyền được tiếp cận với bất kỳ địa điểm và dịch vụ công cộng nào ví dụ như các phương tiện giao thông vận tải, khách sạn, nhà hàng, các quán giải khát, nhà hát, công viên.*

- **Điều 7 [Giáo dục về không phân biệt đối xử]**

Các quốc gia thành viên cam kết sẽ thông qua những biện pháp khẩn trương và hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy, giáo dục, văn hoá và thông tin, nhằm chống lại các định kiến có thể dẫn tới phân biệt chủng tộc và để khuyến khích sự hiểu biết, khoan dung và tình hữu nghị giữa các quốc gia và các nhóm chủng tộc, sắc tộc, cũng như để tuyên truyền các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người, Tuyên bố của Liên hợp quốc về loại trừ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc, cũng như của Công ước này.

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)

- **Điều 5 - [Bình đẳng và Không phân biệt đối xử]**

1. Các quốc gia thành viên Công ước công nhận rằng mọi người đều bình đẳng trước và dưới pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ, quyền được hưởng lợi ích của pháp luật một cách bình đẳng, không có sự phân biệt nào.
2. Các quốc gia thành viên Công ước cam kết phân biệt đối xử trên cơ sở khuyết tật và bảo đảm cho người khuyết tật sự bảo vệ pháp lý hữu hiệu và bình đẳng chống lại sự phân biệt đối xử trên bất kỳ cơ sở nào.
3. Nhằm tăng cường bình đẳng và xoá bỏ phân biệt đối xử, các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các bước thích hợp để bảo đảm tạo điều kiện hợp lý.
4. Các biện pháp đặc biệt cần thiết để đẩy mạnh hoặc đạt tới sự bình đẳng thực tế của người khuyết tật sẽ không bị coi là phân biệt đối xử theo Công ước này.

- **Điều 6 - [Phụ nữ khuyết tật]**

1. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận rằng phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật dễ bị phân biệt đối xử, do vậy các quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp bảo đảm cho họ

được hưởng trọn vẹn và bình đẳng các quyền và tự do cơ bản của con người.

2. Các quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp thích hợp để bảo đảm cho phụ nữ có được sự phát triển đầy đủ, sự tiến bộ tối đa và quyền năng hoàn toàn, nhằm mục đích bảo đảm cho họ thực hiện và thụ hưởng các quyền và tự do cơ bản của con người được Công ước này bảo vệ.

- **Điều 7 - [Trẻ em khuyết tật]**

1. Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp cần thiết để bảo đảm cho trẻ em khuyết tật được hưởng trọn vẹn các quyền và tự do cơ bản của con người trên cơ sở bình đẳng với các trẻ em khác.
2. Trong mọi hành động liên quan tới trẻ em khuyết tật, lợi ích tốt nhất của trẻ phải được đặt lên hàng đầu.
3. Các quốc gia thành viên bảo đảm rằng trẻ em khuyết tật có quyền bày tỏ ý kiến một cách tự do về mọi vấn đề ảnh hưởng tới các em, ý kiến của trẻ em phải được cân nhắc thích đáng phù hợp với độ tuổi và sự trưởng thành của các em, trên cơ sở bình đẳng với các trẻ em khác, bảo đảm cung cấp cho các em sự trợ giúp phù hợp với lứa tuổi và với tình trạng khuyết tật để các em thực hiện quyền đó.

Công ước chống tra tấn (CAT)

- **Điều 1 - [Tra tấn do phân biệt đối xử]**

1. Theo mục đích của Công ước này, thuật ngữ “tra tấn” có nghĩa là bất kỳ hành vi nào cố ý gây đau đớn hoặc đau khổ nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần cho một người, vì những mục đích như lấy thông tin hoặc lời thú tội từ người đó hay thông tin về một người thứ ba, hoặc để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người thứ ba thực hiện hay bị nghi ngờ đã thực hiện, hoặc để đe dọa hay ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ một lý do nào khác do phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi nỗi đau đớn và đau khổ đó được gây ra hoặc xúi giục, đồng tình hay

ưng thuận bởi một công chức hoặc người khác hành động trên cương vị chính quyền. Khái niệm tra tấn không bao gồm những đau đớn hoặc đau khổ xuất phát từ, gắn liền với hoặc có liên quan đến các biện pháp trừng phạt hợp pháp.

- Quy định trong điều này không làm phương hại tới bất kỳ văn kiện quốc tế hay pháp luật quốc gia nào có hay có thể có các điều khoản có mức độ áp dụng rộng rãi hơn.

QUYỀN CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)

- Điều 12 - [Y tế]:**
 - Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người được hưởng tiêu chuẩn sức khỏe về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể.
 - Các biện pháp mà một quốc gia thành viên Công ước cần thi hành để thực hiện đầy đủ quyền này bao gồm:
 - Giảm tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh và trẻ em, và nhằm đạt được sự phát triển lành mạnh của trẻ em;
 - Cải thiện mọi mặt về vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp;
 - Ngăn ngừa, xử lý và hạn chế các dịch bệnh, bệnh ngoài da, bệnh nghề nghiệp và các loại bệnh khác;
 - Tạo các điều kiện để bảo đảm mọi dịch vụ và chăm sóc y tế khi đau yếu.

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

- Điều 12 - [Không phân biệt đối xử trong Chăm sóc sức khỏe; Dịch vụ Sức khỏe sinh sản]**
 - Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ

nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nhằm đảm bảo cho họ, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm những dịch vụ liên quan đến kế hoạch hóa gia đình.

- Ngoài những quy định trong khoản 1 điều này, các quốc gia thành viên Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ các dịch vụ thích hợp liên quan đến việc thai nghén, sinh đẻ và thời gian sau khi đẻ, cung cấp các dịch vụ miễn phí nếu cần thiết, đảm bảo cho phụ nữ có đầy đủ dinh dưỡng trong thời gian mang thai và cho con bú.

Công ước về quyền trẻ em (CRC)

- Điều 23.2 - [Chăm sóc đặc biệt cho trẻ em khuyết tật]**
 - Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em khuyết tật được chăm sóc đặc biệt và tùy theo các nguồn lực sẵn có, phải khuyến khích và đảm bảo dành cho trẻ em khuyết tật và cho những người có trách nhiệm chăm sóc được giúp đỡ khi họ yêu cầu và thích hợp với điều kiện của trẻ em đó, với hoàn cảnh của cha mẹ hay những người khác chăm sóc trẻ em đó.
- Điều 24 - [Sức khỏe]**
 - Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được hưởng mức cao nhất có thể đạt được về sức khỏe, các phương tiện chữa bệnh và các phục hồi sức khỏe. Các quốc gia thành viên phải cố gắng đảm bảo rằng không có trẻ em nào bị tước đoạt quyền được hưởng những dịch vụ chăm sóc sức khỏe như vậy.
 - Các quốc gia thành viên phải theo đuổi việc thực hiện đầy đủ quyền này và đặc biệt phải thực hiện những biện pháp thích hợp để:
 - Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em và trẻ em sơ sinh;
 - Bảo đảm hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe cần thiết cho tất cả trẻ em, chú trọng phát triển công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;

- (c) Phòng chống bệnh tật và suy dinh dưỡng trong khuôn khổ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, chẳng hạn qua việc áp dụng các công nghệ sẵn có và qua việc cấp đầy đủ thức ăn bổ sung và nước uống sạch, có tính đến những nguy cơ ô nhiễm môi trường.
 - (d) Đảm bảo chăm sóc sức khỏe thích hợp cho người mẹ trước và sau khi sinh;
 - (e) Đảm bảo rằng tất cả các tầng lớp xã hội, đặc biệt những người làm cha mẹ và trẻ em được thông tin, được tiếp cận giáo dục và được hỗ trợ trong việc sử dụng kiến thức cơ bản về sức khỏe và dinh dưỡng của trẻ em, những ưu điểm của việc nuôi con bằng sữa mẹ, vệ sinh, vệ sinh môi trường và phòng ngừa tai biến;
 - (f) Phát triển công tác phòng bệnh, hướng dẫn cha mẹ, giáo dục và các dịch vụ kế hoạch hoá gia đình;
3. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp và hiệu quả nhằm xoá bỏ những tập tục có hại cho sức khỏe của trẻ em.
 4. Các quốc gia thành viên cam kết thúc đẩy và khuyến khích việc hợp tác quốc tế nhằm dẫn dắt đến sự thực hiện đầy đủ quyền được thừa nhận trong điều khoản này. Về mặt này, phải đặc biệt tính đến nhu cầu của các nước đang phát triển.

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)

• Điều 25 - Sức khỏe

Các quốc gia thành viên công nhận rằng người khuyết tật có quyền hưởng tiêu chuẩn về sức khỏe cao nhất đã đạt được mà không có sự phân biệt nào trên cơ sở tình trạng khuyết tật. Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm cho người khuyết tật được tiếp cận dịch vụ y tế phù hợp với giới tính, trong đó có phục hồi về y tế. Đặc biệt, quốc gia thành viên sẽ:

- a. Đảm bảo người khuyết tật được chăm sóc và nhận chương trình y tế cùng loại, cùng chất lượng, cùng tiêu chuẩn miễn phí hoặc giá thành vừa phải như đối với những người khác, trong đó có các chương trình giới và sức khỏe sinh sản cũng như các chương trình sức khỏe cộng đồng dân cư;
- b. Cung cấp những dịch vụ y tế đặc biệt mà người khuyết tật cần do họ bị khuyết tật, như phát hiện sớm và can thiệp nếu cần và những dịch vụ nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa khuyết tật tăng thêm, kể cả cho trẻ em và người lớn;
- c. Cung cấp những dịch vụ y tế này càng gần cộng đồng càng tốt, kể cả ở khu vực nông thôn;
- d. Yêu cầu cán bộ chuyên môn y tế cung cấp chăm sóc y tế cho người khuyết tật với cùng chất lượng như cho những người khác, kể cả trên cơ sở đồng ý tự nguyện và hiểu biết, như bằng cách nâng cao nhận thức về quyền con người, nhân phẩm, sự tự lực và nhu cầu của người khuyết tật, thông qua đào tạo và tuyên truyền tiêu chuẩn y đức cho cơ sở y tế công và tư;
- e. Nghiêm cấm phân biệt đối xử đối với người khuyết tật trong khi cung cấp bảo hiểm y tế, bảo hiểm nhân thọ nếu loại bảo hiểm này được pháp luật quốc gia cho phép, và phải cung cấp các loại bảo hiểm này theo cách thức hợp lý và công bằng;
- f. Ngăn ngừa sự từ chối chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế hoặc đồ ăn thức uống mang tính chất phân biệt đối xử trên cơ sở tình trạng khuyết tật.

Công ước chống tra tấn (CAT)

• Điều 1 - [Định nghĩa tra tấn]

1. Theo mục đích của Công ước này, thuật ngữ “tra tấn” có nghĩa là bất kỳ hành vi nào cố ý gây đau đớn hoặc đau khổ nghiêm trọng về thể xác hay tinh thần cho một người, vì những mục đích như lấy thông tin hoặc lời thú tội từ người đó hay thông tin về một người thứ ba, hoặc để trừng phạt người đó vì một hành vi mà người đó hay người

thứ ba thực hiện hay bị nghi ngờ đã thực hiện, hoặc để đe dọa hay ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ một lý do nào khác do phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi nỗi đau đớn và đau khổ đó được gây ra hoặc xúi giục, đồng tình hay ưng thuận bởi một công chức hoặc người khác hành động trên cương vị chính quyền. Khái niệm tra tấn không bao gồm những đau đớn hoặc đau khổ xuất phát từ, gắn liền với hoặc có liên quan đến các biện pháp trừng phạt hợp pháp.

2. Quy định trong điều này không làm phương hại tới bất kỳ văn kiện quốc tế hay pháp luật quốc gia nào có hay có thể có các điều khoản có mức độ áp dụng rộng rãi hơn.

• **Điều 10 - [Thông tin và Giáo dục về Nghiêm cấm hành động tra tấn]**

1. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng giáo dục và tuyên truyền về việc nghiêm cấm hành động tra tấn phải được đưa đầy đủ vào chương trình đào tạo các cán bộ thực thi pháp luật, các nhân viên dân sự, quân sự, y tế, công chức và những người khác mà có thể liên quan đến việc giam giữ, thẩm vấn hoặc đối xử với bất kỳ cá nhân nào bị bắt, giam giữ hay cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Mỗi quốc gia thành viên phải đưa việc nghiêm cấm này vào các quy tắc hoặc hướng dẫn được ban hành về nhiệm vụ và chức năng của tất cả những đối tượng kể trên.

• **Điều 16 - [Nghiêm cấm các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm]**

1. Mỗi quốc gia thành viên cam kết ngăn ngừa trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình những hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm khác mà không giống với tra tấn như định nghĩa ở điều 1, khi những hành vi này do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách chính thức thực hiện, hoặc do xúi giục, đồng tình hay ưng thuận. Cụ thể là những nghĩa vụ quy định tại các điều 10, 11, 12 và 13

sẽ được áp dụng, trong đó các dẫn chiếu về hành động tra tấn sẽ được thay thế bằng các dẫn chiếu về các hình thức đối xử và trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm.

2. Các quy định của Công ước này sẽ không làm phương hại tới các quy định của bất kỳ văn kiện nào khác trong pháp luật quốc tế hay pháp luật quốc gia mà nghiêm cấm các hành động đối xử và trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm, hoặc liên quan đến các vấn đề dẫn độ hay trục xuất.

QUYỀN GIÁO DỤC

Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)

• **Điều 13 - [Giáo dục]:**

1. Các quốc gia thành viên Công ước công nhận quyền của tất cả mọi người được hưởng giáo dục. Giáo dục phải nhằm phát huy đầy đủ nhân cách và nhân phẩm, tăng cường sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản. Các quốc gia thành viên cũng đồng thuận rằng giáo dục sẽ thúc đẩy mọi người đều được tham gia một cách tích cực và hiệu quả trong một xã hội tự do, đề cao sự thông cảm, bao dung và hữu nghị giữa các quốc gia, các cộng đồng chủng tộc, sắc tộc hay tôn giáo, và hỗ trợ các hoạt động của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình.

2. Các quốc gia thành viên Công ước công nhận, nhằm mục đích thực hiện đầy đủ quyền giáo dục:

(a) Giáo dục tiểu học phải là bắt buộc và miễn phí cho tất cả mọi người;

(b) Giáo dục trung học dưới mọi hình thức gồm giáo dục phổ thông hướng nghiệp và kỹ thuật phải được phổ cập cho tất cả mọi người bằng những phương pháp phù hợp và đặc biệt phải tiến dần đến miễn phí;

- (c) Giáo dục đại học phải được tiếp cận bình đẳng đối với mọi sinh viên bằng những phương pháp phù hợp, căn cứ vào khả năng, và đặc biệt phải tiến dần đến miễn phí;
- (d) Giáo dục căn bản được khuyến khích và tăng cường tối đa cho những người chưa tốt nghiệp hoặc chưa hoàn thiện chương trình tiểu học;
- (e) Hệ thống giáo dục các cấp phải được tích cực phát triển, hệ thống học bổng tu nghiệp phải được thiết lập và điều kiện vật chất của các nhân viên giảng dạy phải được cải thiện liên tục.
[...]

- **Điều 14 - [Giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí]**

Trong thời gian ký kết hay gia nhập Công Ước này, nếu các quốc gia thành viên nào chưa tổ chức được hệ thống tiểu học bắt buộc và miễn phí trong địa phận quốc gia (hay trong các lãnh thổ mà họ bảo hộ hay giám hộ), họ cam kết sẽ thiết lập trong vòng 2 năm một chương trình hành động với đầy đủ chi tiết để tuân tự ban hành trong một thời gian hợp lý có ghi rõ trong chương trình, một hệ thống giáo dục bắt buộc và miễn phí cho tất cả các học sinh tiểu học.

- **Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)**

- **Điều 18 - [Quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng, và tôn giáo; Quyền tự do của các bậc cha mẹ và những người giám hộ hợp pháp đảm bảo việc giáo dục về tôn giáo và đạo đức]**

1. Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo. Quyền tự do này bao gồm tự do có hoặc theo một tôn giáo hoặc tín ngưỡng do mình lựa chọn, tự do bày tỏ tín ngưỡng hoặc tôn giáo một mình hoặc trong tập thể với nhiều người khác, một cách công khai hoặc thầm kín dưới hình thức thờ cúng, cầu nguyện, thực hành và giảng đạo.

2. Không ai bị ép buộc làm những điều tổn hại đến quyền tự do lựa chọn một tôn giáo hoặc tín ngưỡng.
3. Quyền tự do bày tỏ tôn giáo hoặc tín ngưỡng chỉ có thể bị giới hạn bởi những quy định của pháp luật và những giới hạn này là cần thiết cho việc bảo vệ an toàn, trật tự công cộng, sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng hoặc những quyền và tự do cơ bản của người khác.
4. Các quốc gia thành viên Công ước cam kết tôn trọng quyền tự do của các bậc cha mẹ, và của những người giám hộ hợp pháp nếu có, trong việc giáo dục về tôn giáo và đạo đức cho con cái họ theo ý nguyện riêng của họ.

- **Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)**

- **Điều 5 - [Giáo dục về gia đình về vai trò làm mẹ với tư cách chức năng xã hội và trách nhiệm chung về nuôi dạy con cái]**

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp để:

- (a) Sửa đổi các khuôn mẫu văn hóa - xã hội về hành vi của nam giới và phụ nữ, nhằm đạt được việc xóa bỏ những thành kiến, phong tục tập quán và tất cả những hành động khác dựa trên thiên vị giới, hoặc dựa trên nhận thức mang tính rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ.
- (b) Bảo đảm giáo dục về gia đình phải bao gồm sự hiểu biết đầy đủ về vai trò làm mẹ với tư cách là chức năng xã hội và thừa nhận trách nhiệm chung của cả nam giới và nữ giới trong việc nuôi dạy và phát triển con cái, lợi ích của con cái phải được nhận thức rõ là ưu tiên hàng đầu trong mọi trường hợp.

- **Điều 10 - [Không phân biệt đối xử và bình đẳng trong lĩnh vực giáo dục]**

Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ nhằm bảo đảm cho họ được hưởng các quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh

vực giáo dục, cụ thể nhằm bảo đảm, trên cơ sở bình đẳng nam nữ:

- (a) Những điều kiện như nhau trong giáo dục hướng nghiệp, học nghề, tiếp cận với các hoạt động nghiên cứu và đạt được bằng cấp ở các cơ sở giáo dục thuộc tất cả các loại hình khác nhau, ở vùng nông thôn cũng như thành thị; sự bình đẳng này phải được bảo đảm từ giai đoạn giáo dục mẫu giáo, phổ thông, đào tạo kỹ thuật, chuyên môn, kể cả đào tạo kỹ thuật bậc cao, cũng như tất cả các loại hình đào tạo nghề;
- (b) Tiếp cận những chương trình giảng dạy và thi cử như nhau, các giáo viên với trình độ chuyên môn tương đương, cơ sở vật chất và trang bị của trường học có chất lượng tương đương;
- (c) Xóa bỏ mọi quan niệm rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ ở tất cả các cấp và trong tất cả các hình thức giáo dục, bằng cách khuyến khích hình thức giáo dục chung cho cả học sinh nam và nữ, và các hình thức giáo dục khác mà có tác dụng đạt tới mục tiêu này, thông qua việc sửa đổi sách giáo khoa, chương trình học tập, và điều chỉnh các phương pháp giảng dạy;
- (d) Nam giới và phụ nữ có những cơ hội như nhau về học bổng và các trợ cấp học tập khác;
- (e) Phụ nữ được tạo những cơ hội như nam giới trong việc tham gia các chương trình giáo dục thường xuyên, bao gồm các chương trình xóa mù chữ chức năng và cho người lớn, đặc biệt là những chương trình nhằm thu hẹp, trong thời gian ngắn nhất có thể, bất kỳ khoảng cách nào về giáo dục giữa nam giới và phụ nữ;
- (f) Giảm tỷ lệ nữ sinh bỏ học và tổ chức các chương trình dành cho những phụ nữ và trẻ em gái đã phải bỏ học sớm;
- (g) Đảm bảo cơ hội bình đẳng trong tham gia tích cực vào các hoạt động giáo dục thể chất và các hoạt động thể thao;

- (h) Bình đẳng trong việc tiếp cận với những thông tin giáo dục riêng biệt về đảm bảo sức khỏe và hạnh phúc gia đình, kể cả những thông tin và tư vấn về kế hoạch hóa gia đình.

Công ước về quyền trẻ em (CRC)

• Điều 28 - [Giáo dục]

1. Các quốc gia thành viên công nhận quyền của trẻ em được học hành và để dần đạt được quyền này và trên cơ sở có cơ hội bình đẳng, các quốc gia thành viên phải:
 - (a) Thực hiện giáo dục tiểu học bắt buộc, sẵn có và miễn phí cho tất cả mọi người;
 - (b) Khuyến khích phát triển các hình thức giáo dục trung học khác nhau, kể cả giáo dục phổ thông và dạy nghề, làm cho những hình thức giáo dục này có sẵn và tiếp cận được với mọi trẻ em, thực hiện các biện pháp thích hợp như thực hiện giáo dục miễn phí và hỗ trợ tài chính trong trường hợp cần thiết;
 - (c) Tạo điều kiện giáo dục đại học tiếp cận được cho tất cả mọi người dựa trên khả năng của họ bằng mọi phương tiện thích hợp;
 - (d) Hướng dẫn và truyền thông về giáo dục và dạy nghề với tất cả trẻ em;
 - (e) Tiến hành các biện pháp khuyến khích việc đi học đều đặn ở trường và giảm tỷ lệ bỏ học.
2. Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả biện pháp thích hợp để đảm bảo kỷ luật nhà trường được thực hiện phù hợp với nhân phẩm của trẻ em và theo đúng với công ước này.
3. Các quốc gia thành viên phải thúc đẩy và khuyến khích hợp tác quốc tế trong những vấn đề liên quan đến giáo dục, đặc biệt nhằm đóng góp vào việc xoá sự thờ ơ và tình trạng mù chữ trên khắp thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận các kiến thức khoa học, kỹ thuật và các

phương pháp giảng dạy hiện đại. Về mặt này, nhu cầu của các nước đang phát triển cần phải được xem xét.

• **Điều 29 - [Các nguyên tắc cho giáo dục trẻ em]**

1. Các quốc gia thành viên đồng ý rằng việc giáo dục trẻ em phải được hướng tới:

(a) Phát triển tối đa nhân cách, tài năng, các khả năng về trí tuệ và thể chất của trẻ em;

(b) Nâng cao ý thức tôn trọng nhân quyền và các quyền tự do cơ bản, tôn trọng những nguyên tắc được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc.;

(c) Nâng cao ý thức tôn trọng đối với cha mẹ của trẻ em, tôn trọng bản sắc văn hoá, ngôn ngữ và các giá trị của bản thân trẻ em, tôn trọng những giá trị quốc gia của đất nước mà trẻ em đang sống và của đất nước là quốc tịch của trẻ em, tôn trọng những nền văn minh khác với nền văn minh của bản thân trẻ em đó;

(d) Chuẩn bị cho trẻ em sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do, theo tinh thần hiểu biết, hoà bình, khoan dung, bình đẳng nam nữ và hữu nghị giữa tất cả mọi người, các nhóm chủng tộc, dân tộc, tôn giáo và những người bản địa.

(e) Nâng cao ý thức tôn trọng đối với môi trường tự nhiên.

2. Không có phần nào trong điều này hay trong điều 28 ảnh hưởng đến quyền tự do của các cá nhân và tập thể trong việc thành lập và lãnh đạo những tổ chức giáo dục, với điều kiện luôn tôn trọng các nguyên tắc được nêu trong đoạn 1 của điều này và đáp ứng yêu cầu phù hợp với các tiêu chuẩn về giáo dục mà chính phủ của quốc gia thành viên đặt ra.

Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)

• **Điều 5 (e)(v) - [Giáo dục và Đào tạo]**

Phù hợp với những nghĩa vụ cơ bản nêu trong điều 2 Công ước này, các quốc gia thành viên cam kết sẽ nghiêm cấm và xoá bỏ sự phân biệt chủng tộc dưới mọi hình thức và đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hay sắc tộc, đặc biệt trong việc hưởng những quyền sau đây: [...]

(e) Các quyền kinh tế, xã hội, và văn hoá, cụ thể là: [...]

(v) Quyền được giáo dục và đào tạo; [...]

• **Điều 7 - [Không phân biệt đối xử trong lĩnh vực giảng dạy, giáo dục, văn hóa và thông tin]**

Các quốc gia thành viên cam kết sẽ thông qua những biện pháp khẩn trương và hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy, giáo dục, văn hoá và thông tin, nhằm chống lại các định kiến có thể dẫn tới phân biệt chủng tộc và để khuyến khích sự hiểu biết, khoan dung và tình hữu nghị giữa các quốc gia và các nhóm chủng tộc, sắc tộc, cũng như để tuyên truyền các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người, Tuyên bố của Liên hợp quốc về loại trừ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc, cũng như của Công ước này.

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)

• **Điều 23 (1)(b) - [Tôn trọng Gia đình (gồm tiếp cận giáo dục sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình)]**

1. Các quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp hiệu quả và thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử đối với người khuyết tật trong các vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình, cha mẹ, họ hàng, trên cơ sở bình đẳng với những người khác, để bảo đảm: [...]

b. Quyền của người khuyết tật được toàn quyền quyết định một cách có trách nhiệm về số con và

khoảng cách giữa các lần sinh và được tiếp cận thông tin cũng như giáo dục về sinh sản và kế hoạch hóa gia đình thích hợp với lứa tuổi, cung cấp cho họ những phương tiện cần thiết để thực hiện những quyền này; [...]

• **Điều 24 - [Giáo dục]**

1. Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền được giáo dục của người khuyết tật. Để hướng tới biến quyền này thành hiện thực trên cơ sở không phân biệt đối xử và bình đẳng về cơ hội, các quốc gia thành viên phải bảo đảm hệ thống giáo dục cho cả người khuyết tật và không khuyết tật ở mọi cấp và học tập suốt đời nhằm:

- a. Phát triển trọn vẹn năng lực tiềm tàng của con người, nhận thức về nhân cách và phẩm giá, củng cố sự tôn trọng quyền con người, các quyền tự do cơ bản và tính đa dạng của loài người;
- b. Phát triển trọn vẹn tiềm năng về tính cách, tài năng, sáng tạo, cũng như những năng lực thể chất và tinh thần của người khuyết tật;
- c. Tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia hiệu quả vào xã hội tự do.

2. Để biến quyền này thành hiện thực, các quốc gia thành viên phải bảo đảm:

- a. Người khuyết tật không bị loại trừ khỏi hệ thống giáo dục phổ thông vì tình trạng khuyết tật của họ, và trẻ em khuyết tật không bị loại trừ khỏi giáo dục tiểu học bắt buộc và miễn phí, hoặc giáo dục trung học vì tình trạng khuyết tật của họ;
- b. Người khuyết tật có thể tiếp cận giáo dục tiểu học và trung học cơ sở có chất lượng tốt và miễn phí trên cơ sở bình đẳng với những người khác trong cùng cộng đồng mà họ sinh sống;
- c. Tạo điều kiện hợp lý để đáp ứng những nhu cầu cá nhân của người khuyết tật;

d. Người khuyết tật được nhận sự trợ giúp cần thiết trong hệ thống giáo dục phổ thông để được giáo dục hiệu quả;

e. Cung cấp các biện pháp trợ giúp cá biệt hóa có hiệu quả, trong môi trường thể hiện sự phát triển xã hội và khoa học kỹ thuật cao nhất, phù hợp với mục đích hoà nhập trọn vẹn.

3. Các quốc gia thành viên tạo điều kiện cho người khuyết tật học tập những kỹ năng phát triển đời sống và xã hội để tạo thuận lợi cho họ tham gia giáo dục một cách trọn vẹn và bình đẳng, với tư cách thành viên của cộng đồng. Để đạt được mục đích này, quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp thích hợp, trong đó có:

- a. Tạo thuận lợi cho việc học chữ Braille, chữ viết thay thế, các cách thức, phương tiện và hình thức giao tiếp hoặc định hướng tăng cường hoặc thay thế, kỹ năng di chuyển, và khuyến khích hỗ trợ đồng đẳng và hỗ trợ của chuyên gia;
- b. Tạo thuận lợi cho việc học ngôn ngữ ký hiệu và khuyến khích phát triển bản sắc ngôn ngữ của cộng đồng người khiếm thính;
- c. Bảo đảm giáo dục người khiếm thị, khiếm thính hoặc vừa khiếm thính vừa khiếm thị bằng những ngôn ngữ, cách thức và phương tiện giao tiếp thích hợp nhất cho người đó, và trong những môi trường thể hiện sự phát triển xã hội và khoa học kỹ thuật cao nhất.

4. Để bảo đảm quyền này thành hiện thực, các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp thích hợp để tuyển dụng giáo viên, trong đó có giáo viên khuyết tật, có trình độ về ngôn ngữ ký hiệu và/hoặc chữ Braille, đào tạo chuyên gia và nhân viên ở mọi cấp giáo dục. Sự đào tạo này phải bao gồm nâng cao nhận thức về người khuyết tật và sử dụng các cách thức, phương tiện và hình

thức giao tiếp tăng cường hoặc thay thế, kỹ thuật và cơ sở vật chất giáo dục để hỗ trợ người khuyết tật.

5. Các quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng người khuyết tật có thể tiếp cận giáo dục phổ thông trung học, dạy nghề, bổ túc và học tập suốt đời mà không có sự phân biệt nào và trên cơ sở bình đẳng với những người khác. Để đạt được mục đích này, các quốc gia thành viên sẽ bảo đảm tạo điều kiện hợp lý cho người khuyết tật.

Công ước chống tra tấn (CAT)

- Điều 10 - [Giáo dục các cán bộ thực thi pháp luật, các nhân viên dân sự, quân sự, y tế, công chức và những người khác về nghiêm cấm hành động tra tấn]

1. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng việc giáo dục và tuyên truyền về nghiêm cấm hành động tra tấn phải được đưa đầy đủ vào chương trình đào tạo cho các cán bộ thực thi pháp luật, các nhân viên dân sự, quân sự, y tế, công chức và những người khác mà có thể liên quan đến việc giam giữ, thẩm vấn hoặc đối xử với bất kỳ cá nhân nào bị bắt, giam giữ hay cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào.
2. Mỗi quốc gia thành viên phải đưa việc nghiêm cấm này vào các quy tắc hoặc hướng dẫn được ban hành về nhiệm vụ và chức năng của tất cả những đối tượng kể trên.

QUYỀN THÔNG TIN

Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)

- Điều 19.2 - [Thông tin]

2. Mọi người đều có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt mọi loại tin tức, ý kiến, không phân biệt ranh giới, hình thức tuyên truyền miệng, hoặc bằng bản viết, in, hoặc bằng hình thức nghệ thuật hoặc thông qua mọi phương tiện đại chúng khác tùy theo sự lựa chọn của họ.

Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)

- Điều 13 - [Giáo dục]

1. Các quốc gia thành viên của Công ước này thừa nhận quyền được giáo dục cho tất cả mọi người. Giáo dục phải nhằm phát huy đầy đủ nhân cách và nhân phẩm, tăng cường sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do căn bản. Mọi người được thực sự tham gia sinh hoạt trong một xã hội tự do, đề cao sự thông cảm, bao dung và hữu nghị giữa các quốc gia, các cộng đồng sắc tộc, chủng tộc hay tôn giáo, và hỗ trợ các hoạt động của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình.
2. Các quốc gia thành viên của Công ước này nhìn nhận, nhằm đạt được đầy đủ quyền giáo dục:
 - (a) Primary education shall be (a) Giáo dục tiểu học phải là bắt buộc và miễn phí cho tất cả mọi người;
 - (b) Giáo dục trung học kể cả các ngành phổ thông, kỹ thuật và hướng nghiệp phải được phổ cập cho tất cả mọi người bằng những phương pháp phù hợp và đặc biệt phải tiến dần đến miễn phí;
 - (c) Giáo dục đại học phải được tiếp cận bình đẳng cho mọi người bằng những phương pháp phù hợp, căn cứ vào khả năng, và đặc biệt phải tiến dần đến miễn phí;
 - (d) Giáo dục cơ bản được khuyến khích và tăng cường tối đa cho những người chưa tốt nghiệp hoặc chưa hoàn thành chương trình tiểu học;
 - (e) Hệ thống giáo dục các cấp phải được tích cực phát triển, hệ thống học bổng tu nghiệp phải được thiết lập và điều kiện vật chất của các giảng viên phải được cải thiện liên tục.
3. Các quốc gia thành viên của Công ước này cam kết tôn trọng quyền tự

do của cha mẹ học sinh hay người giám hộ, được lựa chọn trường cho con em ngoài hệ thống giáo dục công lập, nếu trường này hội đủ những tiêu chuẩn giáo dục tối thiểu do quốc gia phê duyệt. Các cha mẹ hay người giám hộ cũng được quyền phụ trách về giáo dục tôn giáo và đạo lý cho con em theo tín ngưỡng của họ.

4. Không có phần nào trong điều này ảnh hưởng đến quyền tự do của cá nhân và tập thể trong việc thành lập và lãnh đạo những tổ chức giáo dục, với điều kiện luôn tôn trọng các nguyên tắc được nêu trong đoạn 1 của điều này và đáp ứng yêu cầu phù hợp với các tiêu chuẩn về giáo dục mà chính phủ của quốc gia thành viên đặt ra.

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

- **Điều 10 (h) - [Tiếp cận thông tin giáo dục về sức khỏe và hạnh phúc gia đình, gồm kế hoạch hóa gia đình]**

Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ nhằm bảo đảm cho họ được hưởng các quyền bình đẳng với nam giới trong lĩnh vực giáo dục, cụ thể nhằm bảo đảm, trên cơ sở bình đẳng nam nữ: [...]

- (h) Tiếp cận tới thông tin giáo dục cụ thể giúp bảo đảm sức khỏe và hạnh phúc gia đình, kể cả thông tin và tư vấn về kế hoạch hóa gia đình.

- **Điều 14 (b) và (d) - [Tiếp cận chăm sóc sức khỏe và thông tin về kế hoạch hóa gia đình cho phụ nữ nông thôn; Tiếp cận giáo dục cho phụ nữ nông thôn]**

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải xem xét các vấn đề cụ thể đặt ra đối với phụ nữ nông thôn và vai trò quan trọng của phụ nữ nông thôn trong đời sống kinh tế của gia đình họ, bao gồm những công việc của họ trong khu vực kinh tế phi tiền tệ, và phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo việc thực hiện các điều khoản của Công ước này đối với phụ nữ ở các vùng nông thôn.

2. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ ở các vùng nông thôn để đảm bảo, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, việc họ tham gia phát triển nông thôn và được hưởng lợi từ sự phát triển đó; đặc biệt, các quốc gia thành viên Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ nông thôn các quyền: [...]

- (b) Được tiếp cận các phương tiện chăm sóc sức khỏe thích hợp kể cả thông tin, tư vấn và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;
- (d) Được hưởng các loại hình giáo dục đào tạo, chính quy và không chính quy, kể cả các chương trình xóa mù chữ cũng như được hưởng mọi dịch vụ khuyến nông và dịch vụ cộng đồng để nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật của mình; [...]

Công ước về quyền trẻ em (CRC)

- **Điều 17 - [Thông tin và tầm quan trọng của phương tiện thông tin đại chúng]**

Các quốc gia thành viên công nhận vai trò quan trọng của các phương tiện thông tin đại chúng và phải bảo đảm rằng trẻ em được thu nhận thông tin và tư liệu từ nhiều nguồn quốc gia và quốc tế khác nhau, đặc biệt là các thông tin tư liệu nhằm mục đích thúc đẩy lợi ích xã hội, tinh thần và đạo đức cũng như sức khỏe về thể chất và tinh thần của trẻ em.

Để đạt được mục đích này, các quốc gia thành viên phải:

- (a) Khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng phổ biến những thông tin và tư liệu có lợi về xã hội và văn hoá cho trẻ em phù hợp với tinh thần của điều 29;
- (b) Khuyến khích hợp tác quốc tế trong việc sản xuất, trao đổi và phổ biến những thông tin và tư liệu phù hợp từ nhiều nguồn văn hoá quốc gia và quốc tế khác nhau;
- (c) Khuyến khích việc sản xuất và phổ biến sách cho trẻ em;

- (d) Khuyến khích các cơ quan thông tin đại chúng đặc biệt lưu ý đến những nhu cầu về ngôn ngữ của trẻ em thuộc nhóm thiểu số hay là người bản địa;
- (e) Khuyến khích phát triển những hướng dẫn thích hợp cho việc bảo vệ trẻ em chống lại những thông tin và tư liệu có hại cho phúc lợi của các em, có lưu ý đến những khoản của các điều 13 và 18.

Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)

- *Điều 7 - [Những biện pháp trong lĩnh vực thông tin, văn hóa, giáo dục và giảng dạy để chống lại các định kiến]*

Các quốc gia thành viên cam kết sẽ thông qua những biện pháp khẩn trương và hiệu quả, đặc biệt trong lĩnh vực giảng dạy, giáo dục, văn hoá và thông tin, nhằm chống lại các định kiến có thể dẫn tới phân biệt chủng tộc và để khuyến khích sự hiểu biết, khoan dung và tình hữu nghị giữa các quốc gia và các nhóm chủng tộc, sắc tộc, cũng như để tuyên truyền các mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người, Tuyên bố của Liên hợp quốc về loại trừ tất cả các hình thức phân biệt chủng tộc, cũng như của Công ước này.

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)

- *Điều 21 - [Tự do ngôn luận và chính kiến, và tiếp cận thông tin]*

Các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp để bảo đảm rằng người khuyết tật có thể thực hiện quyền tự do ngôn luận và tự do chính kiến, trong đó có tự do tìm kiếm, tiếp nhận và truyền đạt thông tin và ý kiến trên cơ sở bình đẳng với những người khác và bằng bất kỳ hình thức giao tiếp nào họ chọn, như đã định nghĩa tại điều 2 Công ước này, bao gồm:

- a. Cung cấp thông tin dành cho mọi đối tượng cho người khuyết tật dưới các hình thức và công nghệ họ có thể tiếp cận được, phù hợp với các tình trạng

khuyết tật khác nhau, một cách kịp thời và không thu thêm phí;

- b. Chấp nhận và tạo điều kiện cho việc sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, chữ Braille, các hình thức giao tiếp tăng cường hoặc thay thế, và mọi phương tiện, cách thức, phương tiện giao tiếp dễ tiếp cận khác tùy theo lựa chọn của người khuyết tật thông qua các hình thức trao đổi chính thức;
- c. Kêu gọi các cơ sở tư nhân cung cấp dịch vụ cho công chúng, kể cả qua Internet, cung cấp thông tin và dịch vụ dưới hình thức dễ tiếp cận và sử dụng cho người khuyết tật;
- d. Khuyến khích các cơ quan truyền thông đại chúng, kể cả nhà cung cấp thông tin qua Internet, làm dịch vụ của họ trở nên dễ tiếp cận đối với người khuyết tật;
- e. Thừa nhận và thúc đẩy việc sử dụng ngôn ngữ ký hiệu.

Công ước chống tra tấn (CAT)

- *Điều 10 - [Phổ biến thông tin về nghiêm cấm hành động tra tấn]*

1. Mỗi quốc gia thành viên phải bảo đảm rằng việc giáo dục và tuyên truyền về nghiêm cấm hành động tra tấn được đưa đầy đủ vào chương trình đào tạo các cán bộ thực thi pháp luật, các nhân viên dân sự, quân sự, y tế, công chức và những người khác mà có thể liên quan đến việc giam giữ, thẩm vấn hoặc đối xử với bất kỳ cá nhân nào bị bắt giữ, giam giữ hay cầm tù dưới bất kỳ hình thức nào.
2. Mỗi quốc gia thành viên phải đưa việc nghiêm cấm này vào các quy tắc hoặc hướng dẫn được ban hành về nhiệm vụ và chức năng của tất cả những đối tượng kể trên.

QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CÓ SINH CON HAY KHÔNG, SỐ CON, KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC LẦN SINH, VÀ THÔNG TIN VÀ PHƯƠNG TIỆN THỰC THI NHỮNG QUYỀN NÀY

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

- Điều 16.1(e) - [Quyết định có sinh con hay không, số con, khoảng cách giữa các lần sinh, và thông tin và phương tiện thực thi những quyền này]
 1. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình và đặc biệt, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, phải bảo đảm: (e) Quyền tự do và trách nhiệm như nhau khi quyết định về số con, khoảng cách giữa các lần sinh và có quyền tiếp cận thông tin, giáo dục và các biện pháp để thực hiện những quyền này; [...]

Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)

- Điều 12 - [Gồm thông tin và phương tiện cần thiết cho sức khỏe bà mẹ, giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và trẻ em]
 1. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người đạt tới một tiêu chuẩn sức khỏe về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể được.
 2. Các biện pháp mà một quốc gia thành viên Công ước cần thi hành để thực hiện đầy đủ quyền này bao gồm những biện pháp cần thiết nhằm:
 - (a) Giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và trẻ em, và nhằm đạt được sự phát triển khỏe mạnh của trẻ em;
 - (b) Cải thiện mọi mặt về vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp;
 - (c) Ngăn ngừa, xử lý và hạn chế các dịch bệnh, bệnh ngoài da, bệnh nghề nghiệp và các loại bệnh khác;

- (d) Tạo các điều kiện để bảo đảm mọi dịch vụ và sự chăm sóc y tế khi đau yếu.

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)

- Điều 23.1 (b) - [Tôn trọng về gia đình (gồm quyền quyết định có sinh con hay không, số con và khoảng cách giữa các lần sinh, và tiếp cận thông tin, giáo dục kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản, và các phương tiện để thực hiện những quyền này)]
 1. Các quốc gia thành viên tiến hành các biện pháp hiệu quả và thích hợp để xóa bỏ sự phân biệt đối xử đối với người khuyết tật trong các vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình, cha mẹ, họ hàng, trên cơ sở bình đẳng với những người khác, để bảo đảm:
 - a. Quyền của người khuyết tật được toàn quyền quyết định một cách có trách nhiệm về số con, khoảng cách giữa các lần sinh con và được tiếp cận thông tin cũng như giáo dục về sinh sản và kế hoạch hóa gia đình thích hợp với lứa tuổi, cung cấp cho họ những phương tiện cần thiết để thực hiện những quyền này; [...]

QUYỀN TỰ CHỦ VÀ BẤT KHẢ XÂM PHẠM VỀ THÂN THỂ (GỒM QUYỀN TỰ DO ĐI LẠI)

Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)

- Điều 12 - [Tự do đi lại]
 1. Bất cứ ai cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của một nước đều có quyền tự do đi lại và tự do lựa chọn nơi cư trú trong phạm vi lãnh thổ đó.
 2. Mỗi người đều có quyền tự do rời khỏi bất kỳ nước nào, kể cả đất nước của chính người đó.
 3. Không được hạn chế những quyền trên đây, trừ những hạn chế do luật định do cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự công cộng, sức khỏe

hoặc đạo đức xã hội hoặc các quyền và tự do của người khác và phải phù hợp với những quyền khác được Công ước này công nhận.

4. Không một ai bị tước đoạt một cách độc đoán quyền trở về đất nước của người đó.

• **Điều 7 - [Cấm các hành động tra tấn và sử dụng làm thí nghiệm mà không có sự đồng ý]**

Không một người nào có thể bị tra tấn, đối xử hoặc bị áp dụng hình phạt một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo hoặc nhục hình. Đặc biệt, không một người nào có thể bị sử dụng để làm thí nghiệm y học hoặc khoa học mà không có sự đồng ý tự nguyện của người đó.

• **Điều 8 - [Cấm bắt giữ làm nô lệ]**

1. Không được phép bắt giữ làm nô lệ bất cứ người nào; chế độ nô lệ và buôn bán nô lệ dưới mọi hình thức đều bị cấm.

2. Không một người nào có thể bị bắt làm khổ sai.

(a) Không được đòi hỏi bất kỳ người nào phải lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức;

(b) Ở những nước còn áp dụng hình phạt tù kèm lao động cưỡng bức đối với một tội ác, thì quy định tại điểm a, khoản 3 của điều này không loại trừ việc bắt làm lao động cưỡng bức để thi hành hình phạt do một tòa án có thẩm quyền đã tuyên;

(c) Theo nghĩa của khoản này, thuật ngữ “lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức” không bao gồm:

(i) *Bất kỳ công việc hoặc sự phục vụ nào không được đề cập đến tại điểm (b) mà thông thường đòi hỏi một người bị giam giữ theo quyết định hợp pháp của tòa án hoặc một người khi được trả tự do có điều kiện phải làm;*

(ii) *Bất kỳ sự phục vụ nào mang tính chất quân sự,*

và ở các quốc gia cho phép người từ chối làm nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm, bất kỳ sự phục vụ quốc gia nào do luật pháp của nước đó quy định đối với những người từ chối làm nghĩa vụ quân sự vì lý do lương tâm;

(iii) *Mọi sự phục vụ đặt ra trong trường hợp khẩn cấp hoặc thiên tai đe dọa đến tính mạng hoặc đời sống của cả cộng đồng;*

(iv) *Mọi công việc hoặc sự phục vụ nào là một phần của các nghĩa vụ dân sự thông thường.*

• **Điều 9 - [Tự do và an ninh cá nhân]**

1. Mọi người đều có quyền hưởng tự do và an ninh cá nhân. Không ai bị bắt hoặc giam giữ vô cớ. Không một ai bị tước quyền tự do trừ trường hợp có lý do và phải theo đúng thủ tục mà luật pháp đã quy định.

2. Bất cứ người nào bị bắt giữ đều phải được thông báo vào lúc họ bị bắt về những lý do bị bắt và được thông báo ngay lập tức về những cáo buộc đối với mình.

3. Bất cứ người nào bị bắt hoặc giam giữ vì một tội hình sự phải sớm được đưa ra tòa án hoặc một cơ quan pháp luật có thẩm quyền để tiến hành tố tụng và phải được xét xử trong một thời hạn hợp lý hoặc trả tự do. Không được đưa thành nguyên tắc chung rằng những người đang chờ xét xử phải bị giam giữ, nhưng việc trả tự do cho họ có thể kèm theo những điều kiện bảo đảm cho việc họ sẽ có mặt tại tòa án vào bất cứ giai đoạn nào của quá trình xét xử và thi hành án.

4. Bất cứ người nào do bị bắt hoặc giam giữ mà bị tước tự do đều có quyền yêu cầu xét xử trước tòa án, nhằm mục đích để tòa án có thể quyết định không chậm trễ về tính hợp pháp của việc giam giữ và trả tự do, nếu việc giam giữ là bất hợp pháp.

- Bất cứ người nào là nạn nhân của việc bị bắt hoặc bị giam giữ bất hợp pháp đều có quyền yêu cầu được bồi thường.

Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)

• Điều 1 - [Tự quyết]

- Mọi dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá.
- Vì lợi ích của mình, các dân tộc đều có quyền tự do định đoạt các nguồn tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình miễn là không làm phương hại đến các nghĩa vụ phát sinh từ hợp tác kinh tế quốc tế, mà dựa trên nguyên tắc các bên cùng có lợi và các nguyên tắc của pháp luật quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được phép tước đi những phương tiện sinh tồn của một dân tộc.
- Các quốc gia thành viên Công ước này, kể cả các quốc gia có trách nhiệm quản lý các Lãnh thổ uỷ trị và các Lãnh thổ quản thác, phải thúc đẩy việc thực hiện quyền tự quyết và phải tôn trọng quyền đó phù hợp với các quy định của Hiến chương Liên hợp quốc.

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

• Điều 6 - [Cấm các hình thức buôn bán phụ nữ]

Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp, bao gồm cả luật pháp, để xóa bỏ tất cả các hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột mại dâm phụ nữ.

Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)

• Điều 5 - [An ninh cá nhân và được bảo vệ chống lại những hành vi bạo lực hoặc xâm hại đến thân thể, Quyền tự do đi lại]

Phù hợp với những nghĩa vụ cơ bản nêu trong điều 2 Công ước này, các quốc gia thành viên cam kết sẽ cấm và xóa

bỏ sự phân biệt chủng tộc dưới mọi hình thức và đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hay sắc tộc, đặc biệt trong việc hưởng những quyền sau đây:

- Quyền được đối xử bình đẳng trước các toà án cũng như trước các cơ quan tài phán khác;
- Quyền an ninh cá nhân và được nhà nước bảo vệ chống lại những hành vi bạo lực hoặc gây xâm hại đến thân thể do các nhân viên nhà nước gây ra hoặc do bất cứ cá nhân, nhóm người hoặc cơ quan nào gây ra;
- Những quyền về chính trị, đặc biệt là quyền tham gia bầu cử - được đi bầu và được ứng cử - trên cơ sở toàn dân có quyền bình đẳng, quyền được tham gia vào chính phủ cũng như các hoạt động công cộng khác ở mọi cấp và được bình đẳng trong việc tiếp cận với các dịch vụ công cộng;
- Các quyền dân sự khác, đặc biệt là:
 - Quyền tự do đi lại và cư trú trong phạm vi lãnh thổ quốc gia;
 - Quyền được xuất cảnh khỏi bất cứ quốc gia nào, kể cả nước mình, và được quay trở lại nước mình;
 - Quyền có quốc tịch;
 - Quyền được kết hôn và được tự do lựa chọn vợ/ chồng;
 - Quyền sở hữu tài sản riêng cũng như sở hữu chung với những người khác;
 - Quyền thừa kế;
 - Quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo;
 - Quyền tự do ngôn luận và chính kiến;
 - Quyền tự do hội họp và lập hội một cách hoà bình;
- Các quyền kinh tế, xã hội, văn hoá, cụ thể là:
 - Quyền được làm việc, được tự do lựa chọn việc làm và được có các

điều kiện làm việc công bằng, thuận lợi, được bảo vệ chống thất nghiệp, được trả lương bình đẳng cho những công việc tương đương, được trả công công bằng và thích đáng;

- (ii) *Quyền được thành lập và tham gia các nghiệp đoàn;*
- (iii) *Quyền có nhà ở;*
- (iv) *Quyền được tiếp cận với y tế công cộng, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội và dịch vụ xã hội;*
- (v) *Quyền được giáo dục và đào tạo;*
- (vi) *Quyền được tham gia bình đẳng vào các hoạt động văn hoá.*
- (f) *Quyền được tiếp cận với bất kỳ địa điểm và dịch vụ công cộng nào ví dụ như các phương tiện giao thông vận tải, khách sạn, nhà hàng, các quán giải khát, nhà hát, công viên.*

Công ước về quyền trẻ em (CRC)

• Điều 9 - [Cấm các hành động cách ly trái với mong muốn]

1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng trẻ em không bị cách ly cha mẹ trái với ý muốn của họ, trừ trường hợp những nhà chức trách có thẩm quyền chịu sự xem xét của pháp luật quyết định là theo luật pháp và các thủ tục áp dụng thì việc cách ly như thế là cần thiết cho lợi ích tốt nhất của trẻ em. Quyết định như thế có thể là cần thiết trong trường hợp đặc biệt như trẻ em bị cha mẹ lạm dụng hay sao nhãng, hoặc khi cha mẹ sống ly thân và cần phải có một quyết định về nơi cư trú của trẻ em.
2. Trong bất kỳ quá trình tố tụng theo như đoạn 1 của điều này, tất cả các bên liên quan phải được cơ hội tham gia quá trình tố tụng và bày tỏ quan điểm của mình.
3. Các quốc gia thành viên phải tôn trọng quyền của trẻ em bị sống cách ly với cha mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, để duy trì những quan hệ riêng tư và được tiếp xúc trực tiếp với cả cha và mẹ một cách đều đặn, trừ khi việc này trái với lợi ích tốt nhất của trẻ em.

4. Nơi nào mà sự cách ly như vậy là kết quả của bất kỳ hành động nào của một quốc gia thành viên như giam giữ, bỏ tù, đi lưu vong, đi đày hay chết (gồm cả cái chết xảy ra do bất kỳ nguyên nhân nào trong khi người đó đang ở trong cơ sở giam giữ của Nhà nước), của cha hay mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ của trẻ em, hay của trẻ em thì quốc gia thành viên đó phải cung cấp theo yêu cầu cho cha mẹ, cho trẻ em hoặc nếu thích hợp, cho một thành viên khác của gia đình những thông tin cần thiết về địa chỉ của một hay nhiều thành viên vắng mặt của gia đình, trừ trường hợp việc cung cấp thông tin như thế sẽ phương hại đến hạnh phúc của trẻ em. Các quốc gia thành viên còn phải đảm bảo rằng việc đề ra yêu cầu như vậy sẽ không tự nó gây nên những hậu quả có hại cho người (hoặc những người) có liên quan.

• Điều 11 - [Biện pháp chống di chuyển trẻ em bất hợp pháp]

1. Các quốc gia thành viên phải tiến hành những biện pháp chống việc di chuyển trẻ em ra nước ngoài bất hợp pháp và không đưa trở về.
2. Để đạt được mục đích này, các quốc gia thành viên phải thúc đẩy việc ký kết những hiệp định song phương hoặc đa phương hay tham gia các hiệp định hiện có.

• Điều 34 - [Bảo vệ chống lại bóc lột và lạm dụng tình dục]

Các quốc gia thành viên cam kết bảo vệ trẻ em chống tất cả các hình thức bóc lột tình dục và lạm dụng tình dục. Vì mục đích này, các quốc gia thành viên phải đặc biệt thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp ở cấp quốc gia, song phương và đa phương để ngăn ngừa:

- (a) Việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kỳ hoạt động tình dục trái pháp luật nào;
- (b) Việc bóc lột trẻ em trong mại dâm hay các hoạt động tình dục trái pháp luật khác;

(c) Việc bóc lột trẻ em trong các hình ảnh hay tài liệu khiêu dâm.

• **Điều 35 - [Chống bắt cóc, buôn bán hoặc buôn lậu]**

Các quốc gia thành viên phải thực hiện tất cả các biện pháp ở các cấp quốc gia, song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc, buôn bán trẻ em vì bất kỳ mục đích gì hay dưới bất kỳ hình thức nào.

• **Điều 37 - [Cấm các hành động tra tấn hoặc tước bỏ quyền tự do]**

Các quốc gia thành viên phải đảm bảo rằng:

(a) Không trẻ em nào bị tra tấn hay bị đối xử hay trừng phạt tàn tệ vô nhân đạo hay làm mất phẩm giá. Không được tuyên án tử hình hay tù chung thân mà không có khả năng phóng thích đối với những người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật.

(b) Không trẻ em nào bị tước quyền tự do một cách bất hợp pháp hoặc tùy tiện. Việc bắt, giam giữ hay bỏ tù trẻ em phải được tiến hành theo luật pháp và chỉ được dùng đến như một biện pháp cuối cùng và trong thời hạn thích hợp ngắn nhất.

(c) Mọi trẻ em bị tước quyền tự do phải được đối xử nhân đạo và tôn trọng phẩm giá của con người, theo một cách có tính đến các nhu cầu của những người ở lứa tuổi các em. Đặc biệt mọi trẻ em bị tước quyền tự do, phải được cách ly với người lớn, trừ trường hợp không làm như vậy vì lợi ích tốt nhất của các em. Các em phải duy trì sự tiếp xúc với gia đình của mình qua thư từ và cuộc viếng thăm, trừ những trường hợp ngoại lệ.

(d) Mọi trẻ em bị tước quyền tự do có quyền đòi hỏi được nhanh chóng hưởng sự giúp đỡ về pháp lý và những sự giúp đỡ thích hợp khác, cũng như quyền chất vấn tính chất hợp pháp của việc tước quyền tự do của các em trước một toà án hay cơ quan khác có thẩm quyền, độc lập, vô tư và có quyền đòi hỏi một quyết định

nhanh chóng về bất kỳ hành động nào như vậy. .

Công ước chống tra tấn (CAT)

Toàn bộ công ước đều phù hợp. Cụ thể:

• **Điều 16 - [Cấm các hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm]**

1. Mỗi quốc gia thành viên cam kết ngăn ngừa trên lãnh thổ thuộc quyền tài phán của mình những hành vi đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo và hạ thấp nhân phẩm khác mà không giống với tra tấn như định nghĩa ở điều 1, khi những hành vi này do một công chức hay người nào khác hành động với tư cách chính thức thực hiện, hoặc do xúi giục, đồng tình hay ưng thuận. Cụ thể là những nghĩa vụ quy định tại các điều 10, 11, 12 và 13 sẽ được áp dụng, trong đó các dẫn chiếu về hành động tra tấn sẽ được thay thế bằng các dẫn chiếu về các hình thức đối xử và trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm.

2. Các quy định của Công ước này sẽ không làm phương hại tới các quy định của bất kỳ văn kiện nào khác trong pháp luật quốc tế hay pháp luật quốc gia mà nghiêm cấm các hành động đối xử và trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hay hạ thấp nhân phẩm, hoặc liên quan đến các vấn đề dẫn độ hay trục xuất.

QUYỀN RIÊNG TƯ

Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)

• **Điều 17 - [Cuộc sống riêng tư]**

1. Không ai bị can thiệp một cách độc đoán hoặc bất hợp pháp đến cuộc sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hoặc bị xúc phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín.

2. Mọi người đều có quyền được pháp luật bảo hộ chống lại những can thiệp hoặc xúc phạm như vậy.

Công ước về quyền trẻ em (CRC)

• Điều 16 - [Cuộc sống riêng tư]

1. Không trẻ em nào phải chịu sự can thiệp tùy tiện hay bất hợp pháp vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nhà cửa hoặc thư tín của các em cũng như những sự công kích bất hợp pháp vào danh dự và uy tín của các em.
2. Trẻ em có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp hay công kích như vậy.

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)

• Điều 22 - [Tôn trọng cuộc sống riêng tư]

1. Không người khuyết tật nào, dù họ sống ở bất cứ đâu, cư trú ở khu vực nào, bị can thiệp vào cuộc sống riêng tư, gia đình, nhà riêng hoặc thư tín, hoặc bất kỳ hình thức giao tiếp nào, hay bị tấn công trái pháp luật vào danh dự và uy tín của mình một cách tùy tiện hoặc trái pháp luật. Người khuyết tật có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại sự can thiệp hoặc tấn công nêu trên.
2. Các quốc gia thành viên phải bảo vệ tính riêng tư của các thông tin cá nhân, thông tin về sức khỏe và sự hồi phục của người khuyết tật trên cơ sở bình đẳng với những người khác.

QUYỀN THAM GIA

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

- Điều 7 - [Tham gia bầu cử, tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, thực hiện các chức năng xã hội, tham gia vào các tổ chức và hiệp hội xã hội và chính trị]

Các nước thành viên Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị và cộng đồng của đất nước và đặc biệt là phải đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, được hưởng các quyền sau:

- (a) Tham gia bỏ phiếu trong mọi cuộc bầu cử và trưng cầu dân ý, được quyền ứng cử vào tất cả các cơ quan dân cử;
- (b) Được tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách của chính phủ, tham gia vào bộ máy và các chức vụ nhà nước ở mọi cấp chính quyền;
- (c) Tham gia vào các tổ chức xã hội và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước.

- Điều 8 - [Không phân biệt đối xử và tham gia vào các tổ chức quốc tế và đại diện cho chính phủ]

Các nước thành viên Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm đảm bảo cho phụ nữ có cơ hội đại diện cho Chính phủ mình trên diễn đàn quốc tế và tham gia công việc của các tổ chức quốc tế, trên cơ sở bình đẳng với nam giới và không có bất cứ sự phân biệt nào.

- Điều 14 - [Quyền của phụ nữ nông thôn tham gia vào các hoạt động phát triển và cộng đồng]

1. Các quốc gia thành viên Công ước phải xem xét các vấn đề cụ thể đặt ra đối với phụ nữ nông thôn và vai trò quan trọng của phụ nữ nông thôn trong đời sống kinh tế của gia đình họ, bao gồm những công việc của họ trong khu vực kinh tế phi tiền tệ, và phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo việc thực hiện các điều khoản của Công ước này đối với phụ nữ ở các vùng nông thôn.
2. Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ ở các vùng nông thôn để đảm bảo, trên cơ sở bình đẳng nam nữ, việc họ tham gia phát triển nông thôn và được hưởng lợi từ sự phát triển đó; đặc biệt, các quốc gia thành viên Công ước phải đảm bảo cho phụ nữ nông thôn các quyền:

- (a) Được tham gia xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển ở tất cả các cấp;

- (b) Được tiếp cận với những điều kiện chăm sóc sức khỏe thích đáng, kể cả về thông tin, tư vấn và những dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;
- (c) Được hưởng lợi ích trực tiếp từ các chương trình an sinh xã hội;
- (d) Được tham gia tất cả các loại hình đào tạo, giáo dục, kể cả chính quy và không chính quy, bao gồm các chương trình xóa mù chữ, và ngoài ra, được hưởng lợi từ những dịch vụ chung trong cộng đồng để nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật của họ;
- (e) Được tổ chức các nhóm tương trợ và các hợp tác xã của phụ nữ nhằm giúp nhau đạt được sự bình đẳng về cơ hội kinh tế qua các việc làm công ăn lương hoặc việc làm độc lập;
- (f) Được tham gia tất cả các hoạt động của cộng đồng;
- (g) Được tiếp cận với các loại hình tín dụng và vay vốn trên lĩnh vực nông nghiệp, những hỗ trợ về thị trường, kỹ thuật phù hợp và được đối xử bình đẳng trong cải cách ruộng đất, cải cách nông nghiệp, cũng như trong các dự án quy hoạch lại đất đai;
- (h) Được hưởng các điều kiện sống thích đáng, nhất là về vấn đề nhà ở, điều kiện vệ sinh, cung cấp điện nước, giao thông và thông tin liên lạc.

Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)

- **Điều 1 - [Tự do quyết định thể chế chính trị]**
 1. Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá.
 2. Vì lợi ích của mình, các dân tộc đều có thể tự do định đoạt tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình mà không làm phương hại đến các

nghĩa vụ phát sinh từ hợp tác kinh tế quốc tế, các nghĩa vụ dựa trên cơ sở nguyên tắc các bên cùng có lợi và luật pháp quốc tế. Trong mọi trường hợp, không được phép tước đi của một dân tộc những phương tiện sinh tồn của họ.

3. Các quốc gia thành viên Công ước này, kể cả các quốc gia có trách nhiệm quản lý các Lãnh thổ uỷ trị và các Lãnh thổ quản thác, phải thúc đẩy việc thực hiện quyền tự quyết và phải tôn trọng quyền đó phù hợp với các quy định của Hiến chương Liên hợp quốc.

- **Điều 25 - [Tham gia các công việc xã hội và bầu cử]**

Mọi công dân, không có bất kỳ sự phân biệt nào như đã nêu ở Điều 2 và không có sự hạn chế bất hợp lý nào, đều có quyền và cơ hội để:

- (a) Tham gia vào việc điều hành các công việc xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua những đại diện được họ lựa chọn;
- (b) Bầu cử và ứng cử trong các cuộc bầu cử định kỳ chân thực bằng trên nguyên tắc phổ thông đầu phiếu và bình đẳng và bỏ phiếu kín nhằm đảm bảo cho cử tri tự do bày tỏ ý chí của mình;
- (c) Được tiếp cận các dịch vụ công cộng tại đất nước của mình trên cơ sở bình đẳng.

Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)

- **Điều 1 - [Tự do quyết định thể chế chính trị]**

1. All peoples have the right of self-determination. Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hoá.
2. Vì lợi ích của mình, các dân tộc đều có thể tự do định đoạt tài nguyên thiên nhiên và của cải của mình mà không làm phương hại đến các nghĩa vụ phát sinh từ hợp tác kinh tế

quốc tế, các nghĩa vụ dựa trên cơ sở nguyên tắc các bên cùng có lợi và luật pháp quốc tế. Trong mọi trường hợp, không được phép tước đi của một dân tộc những phương tiện sinh tồn của họ.

3. Các quốc gia thành viên Công ước này, kể cả các quốc gia có trách nhiệm quản lý các Lãnh thổ uỷ trị và các Lãnh thổ quản thác, phải thúc đẩy việc thực hiện quyền tự quyết và phải tôn trọng quyền đó phù hợp với các quy định của Hiến chương Liên hợp quốc.

Công ước về quyền trẻ em (CRC)

- *Điều 12 - [Được nói lên ý kiến của mình trong quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính]*
 1. Các quốc gia thành viên phải đảm bảo cho những trẻ em có đủ khả năng hình thành quan điểm riêng của mình được quyền tự do phát biểu những quan điểm đó về tất cả mọi vấn đề có ảnh hưởng đến trẻ em và những quan điểm của trẻ em phải được coi trọng phù hợp với độ tuổi và độ trưởng thành của trẻ em.
 2. Vì mục đích đó, trẻ em phải được đặc biệt tạo cơ hội nói lên ý kiến của mình trong bất kỳ quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính nào có ảnh hưởng đến trẻ em, hoặc trực tiếp hay thông qua một người đại diện hay một cơ quan thích hợp, theo cách thức phù hợp với những quy định của luật pháp quốc gia.

Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)

- *Điều 5 (c) - [Tham gia vào bầu cử, bầu cử, tham gia và chính phủ và các hoạt động cộng đồng]*

Phù hợp với những nghĩa vụ cơ bản nêu trong điều 2 Công ước này, các quốc gia thành viên cam kết sẽ cấm và xóa bỏ sự phân biệt chủng tộc dưới mọi hình thức và đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hay sắc tộc, đặc biệt trong việc hưởng những

quyền sau đây:

- (c) Những quyền về chính trị, đặc biệt là quyền tham gia bầu cử - được đi bầu và được ứng cử - trên nguyên tắc phổ thông đầu phiếu và bình đẳng, quyền được tham gia vào chính phủ cũng như các hoạt động công cộng khác ở mọi cấp và được bình đẳng trong tiếp cận với các dịch vụ công cộng;;

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)

- *Điều 3 (c) - [Nguyên tắc chung gồm tham gia hiệu quả và trọn vẹn vào hoạt động xã hội]*

Các nguyên tắc của Công ước này là: [...]

Tham gia và hòa nhập trọn vẹn và hiệu quả vào xã hội;

- *Điều 29 - [Tham gia vào đời sống công cộng và chính trị]*

Các quốc gia thành viên phải bảo đảm cho người khuyết tật có các quyền chính trị và cơ hội hưởng các quyền đó trên cơ sở bình đẳng với những người khác, và cam kết:

- a. Bảo đảm rằng người khuyết tật có thể tham gia hiệu quả và trọn vẹn vào đời sống chính trị và công cộng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua đại diện do họ tự do lựa chọn, theo đó người khuyết tật có quyền và cơ hội bầu cử và được bầu cử, bằng một số cách như:
 - i. *Bảo đảm rằng thủ tục, cơ sở vật chất phục vụ bầu cử thích hợp, dễ tiếp cận, dễ hiểu, dễ sử dụng;*
 - ii. *Trong các cuộc bầu cử và trưng cầu ý dân, bảo vệ quyền của người khuyết tật được bỏ phiếu kín và không bị hăm dọa, quyền ứng cử, quyền giữ chức vụ một cách có hiệu quả và thực hiện mọi chức năng công quyền ở mọi cấp chính quyền, tạo thuận lợi cho việc sử dụng công nghệ hỗ trợ tiên tiến khi cần;*
 - iii. *Bảo đảm quyền tự do biểu đạt ý kiến của người khuyết tật với tư cách cử tri, để đạt được mục đích*

đó, cho phép người khuyết tật có người trợ giúp do người khuyết tật tự chọn, nếu cần và nếu người khuyết tật yêu cầu;

- b. Chủ động thúc đẩy một môi trường cho phép người khuyết tật tham gia một cách hiệu quả và trọn vẹn vào các hoạt động xã hội, một cách không phân biệt đối xử và trên cơ sở bình đẳng với những người khác, và khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động xã hội, trong đó có:
- i. Tham gia vào các tổ chức và hiệp hội phi chính phủ có liên quan đến đời sống chính trị xã hội trong nước, trong việc quản lý và các hoạt động của các đảng phái chính trị;
 - ii. Thành lập và gia nhập các tổ chức người khuyết tật để đại diện cho người khuyết tật ở cấp địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

QUYỀN LẬP HỘI

Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR)

- Điều 22.1 - [Tự do lập hội]
 1. Mọi người có quyền tự do lập hội với những người khác, kể cả quyền thành lập và gia nhập các công đoàn để bảo vệ lợi ích của mình.
- Điều 21 - [Quyền hội họp hòa bình]

Quyền hội họp hòa bình phải được công nhận. Việc thực hiện quyền này không bị hạn chế, trừ trường hợp do pháp luật quy định và những hạn chế này là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, để bảo vệ sức khỏe của công chúng hoặc nhân cách hoặc bảo vệ quyền và tự do của những người khác.

Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR)

- Điều 8.3 - [Không giới hạn quyền tổ chức và hội họp theo Công ước Tổ chức lao động quốc tế 1948]
 3. Không quy định nào trong điều này cho phép các quốc gia thành viên của

Công ước về tự do lập hội và bảo vệ quyền được lập hội năm 1948 của Tổ chức Lao động quốc tế được sử dụng các biện pháp lập pháp hoặc hành pháp mà có thể làm tổn hại đến các bảo đảm nêu trong Công ước đó.

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)

- Điều 7(c) [Tham gia vào các hiệp hội và tổ chức]

Các quốc gia thành viên Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp nhằm xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong đời sống chính trị và công cộng của đất nước và đặc biệt là phải đảm bảo cho phụ nữ, trên cơ sở bình đẳng với nam giới, được hưởng các quyền sau:

 - (c) Tham gia vào các tổ chức và hiệp hội phi chính phủ liên quan đến đời sống công cộng và chính trị của đất nước.

Công ước về quyền trẻ em (CRC)

- Điều 15 - [Tự do hiệp hội và hội họp hòa bình]
 1. Các quốc gia thành viên công nhận các quyền của trẻ em được tự do hiệp hội và tự do hội họp hòa bình.
 2. Không được đặt ra các hạn chế đối với việc thực hiện các quyền này, ngoài những điều đã đề ra phù hợp với luật pháp và là cần thiết trong một xã hội dân chủ vì lợi ích của an ninh quốc gia, an toàn công cộng, trật tự xã hội, bảo vệ sức khỏe hay đạo đức hoặc bảo vệ những quyền và tự do của người khác.

Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD)

- Điều 4 - [Lên án những nhóm phân biệt chủng tộc và phân biệt đối xử]

Các quốc gia thành viên lên án tất cả các hành động tuyên truyền và tất cả các tổ chức dựa trên những ý tưởng hoặc học thuyết về tính thượng đẳng của một chủng tộc hoặc của một nhóm người cùng chung một màu da hay một nguồn gốc sắc tộc, hay những học thuyết cổ gắng biện minh hoặc khuyến khích sự hằn thù chủng tộc và sự phân biệt đối

xử dưới bất kỳ hình thức nào, và cam kết sẽ thông qua những biện pháp nhanh chóng và tích cực nhằm xóa bỏ tất cả những sự kích động hoặc các hành vi phân biệt như vậy, và để thực hiện mục tiêu này, trên cơ sở các nguyên tắc đề ra trong Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người và các quyền quy định trong điều 5 Công ước này, ngoài những việc khác, sẽ:

- (a) Tuyên bố mọi hành động gieo rắc các ý tưởng dựa trên tính thượng đẳng về chủng tộc hoặc sự căm thù, kích động phân biệt chủng tộc cũng như mọi hành vi bạo lực hoặc kích động những hành vi bạo lực chống lại bất cứ chủng tộc nào hoặc nhóm người nào khác màu da hoặc khác nguồn gốc dân tộc là tội phạm và sẽ bị pháp luật trừng trị; đồng thời cũng tuyên bố như vậy đối với việc hỗ trợ dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm sự hỗ trợ về tài chính, cho các hoạt động phân biệt chủng tộc;
- (b) Tuyên bố là bất hợp pháp và cấm các tổ chức cũng như các hoạt động tuyên truyền được tổ chức nhằm khuyến khích và kích động sự phân biệt chủng tộc, và quy định mọi sự tham dự vào các tổ chức hoặc hoạt động như vậy sẽ bị coi là tội phạm và sẽ bị pháp luật trừng trị;
- (c) Không cho phép các nhà cầm quyền hoặc các cơ quan nhà nước, cả ở cấp quốc gia và địa phương, khuyến khích hoặc kích động sự phân biệt chủng tộc.

- *Điều 5 (d)(ix) - [Quyền tự do hội họp hòa bình và hiệp hội]*

Phù hợp với những nghĩa vụ cơ bản nêu trong điều 2 Công ước này, các quốc gia thành viên cam kết sẽ cấm và xóa bỏ sự phân biệt chủng tộc dưới mọi hình thức và đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật của tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hay sắc tộc, đặc biệt trong việc hưởng những quyền sau đây: [...]

- (d) Các quyền dân sự khác, đặc biệt là: [...]

- (ix) *Quyền tự do hội họp và lập hội một cách hoà bình;*

Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)

- *Điều 29 (b) (i-ii) - [Tham gia vào đời sống chính trị xã hội (bao gồm tham gia vào các tổ chức và hiệp hội)]*

Quốc gia thành viên phải bảo đảm cho người khuyết tật có các quyền chính trị và cơ hội hưởng các quyền đó trên cơ sở bình đẳng với những người khác, và cam kết: [...]

- b. Chủ động thúc đẩy một môi trường cho phép người khuyết tật tham gia một cách hiệu quả và trọn vẹn vào các hoạt động xã hội, một cách không phân biệt đối xử và trên cơ sở bình đẳng với những người khác, và khuyến khích họ tham gia vào các hoạt động xã hội, trong đó có:

- i. *Tham gia vào các tổ chức và hiệp hội phi chính phủ có liên quan đến đời sống chính trị xã hội trong nước, trong việc quản lý và các hoạt động của các đảng phái chính trị;*
- ii. *Thành lập và gia nhập các tổ chức người khuyết tật để đại diện cho người khuyết tật ở cấp địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.*

HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN: CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG – CHỌN LỰA NGUYÊN TẮC, HÀNH ĐỘNG VÀ MỤC TIÊU PHÙ HỢP VỚI CHÍNH SÁCH DÂN SỐ CỦA VIỆT NAM

Nguyên tắc

Nguyên tắc 2

Con người là trung tâm của mọi mối quan tâm trong phát triển bền vững. Họ được hưởng một cuộc sống lành mạnh và hài hòa với thiên nhiên. Con người là nguồn lực quan trọng và có giá trị nhất của bất kỳ quốc gia nào.

Các quốc gia cần đảm bảo rằng tất cả các cá nhân được trao cơ hội để phát triển tối đa tiềm năng của họ. Họ có quyền được hưởng mức sống thỏa đáng cho bản thân và gia đình của họ, bao gồm có đủ thức ăn, quần áo, nhà ở, nước sạch và vệ sinh.

Nguyên tắc 3

[...]Quyền phát triển phải được thực hiện để đáp ứng một cách công bằng các nhu cầu về dân số, phát triển và môi trường của các thế hệ hiện tại và tương lai.

Nguyên tắc 4

Thúc đẩy bình đẳng giới, công bằng và trao quyền cho phụ nữ, và loại bỏ tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ, và đảm bảo phụ nữ có thể kiểm soát được việc sinh đẻ của họ, là nền tảng của các chương trình liên quan đến dân số và phát triển. Các quyền con người của phụ nữ và trẻ em gái là một phần không thể tách rời và không thể thiếu trong quyền con người trên toàn thế giới. Phụ nữ có quyền tham gia đầy đủ và bình đẳng trong đời sống xã hội, văn hóa, kinh tế, chính trị ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế, và xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử trên cơ sở giới, là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của cộng đồng quốc tế.

Nguyên tắc 5

Các mục tiêu và chính sách liên quan đến dân số là bộ phận không tách rời trong tiến trình phát triển văn hóa, kinh tế và xã hội, với mục đích chính là cải thiện chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người.

Nguyên tắc 6

[...]Để đạt được sự phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người, các Quốc gia cần giảm thiểu và xoá bỏ các mô hình sản xuất và tiêu dùng không bền vững và thúc đẩy các chính sách phù hợp, bao gồm chính sách liên quan đến dân số, để đáp ứng nhu cầu của các thế hệ hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai.

Nguyên tắc 8

Mọi người đều có quyền được hưởng tiêu chuẩn cao nhất về sức khỏe thể chất và tinh

thần. Các Quốc gia cần thực hiện tất cả các biện pháp thích hợp để đảm bảo mọi người dân, trên cơ sở bình đẳng cho cả nam giới và phụ nữ, đều có tiếp cận đến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phổ biến, bao gồm những dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản như kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe tình dục. Các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản phải cung cấp các dịch vụ trên phạm vi rộng nhất có thể mà không có bất kỳ hình thức cưỡng chế nào. Tất cả các cặp vợ chồng và cá nhân có quyền cơ bản được quyết định một cách tự do và có trách nhiệm về số con và khoảng cách giữa các lần sinh đẻ và có thông tin, giáo dục và phương tiện để thực hiện điều đó.

Nguyên tắc 9

Gia đình là đơn vị cơ bản của xã hội và do vậy cần được củng cố. Gia đình có quyền được bảo vệ và hỗ trợ toàn diện. Trong các hệ thống văn hóa, chính trị và xã hội khác nhau tồn tại các loại hình gia đình khác nhau. Hôn nhân phải là sự tự nguyện tham gia của hai người kết hôn và vợ chồng phải là những đối tác bình đẳng.

Nguyên tắc 10

Mọi người đều có quyền được giáo dục, để hướng tới sự phát triển đầy đủ nguồn nhân lực, phẩm giá và tiềm năng của con người, đặc biệt chú ý đến phụ nữ và trẻ em gái. Giáo dục cần được thiết kế nhằm đề cao việc tôn trọng quyền con người và tự do cơ bản, bao gồm những vấn đề có liên quan đến dân số và phát triển. Đảm bảo lợi ích tốt nhất cho trẻ em phải là kim chỉ nam của những người có trách nhiệm giáo dục và hướng dẫn trẻ; trách nhiệm đó đầu tiên là của các bậc cha mẹ.

Nguyên tắc 11

Tất cả các Quốc gia và gia đình phải dành các ưu tiên cao nhất cho trẻ em. Trẻ em có quyền hưởng các mức sống hợp lý cho sự an sinh của mình và quyền hưởng các tiêu chuẩn cao nhất có thể đạt được về y tế và quyền được đi học. Trẻ em có quyền được cha mẹ, gia đình và xã hội chăm sóc, hướng dẫn và hỗ trợ và được bảo vệ bằng các biện pháp lập pháp, hành chính, xã hội và giáo dục hợp lý khỏi tất cả các hình thức bạo lực về thể chất hoặc

tin thần, chán thương hoặc lạm dụng, bỏ rơi hoặc không quan tâm, ngược đãi, bóc lột, bao gồm việc bị buôn bán, lạm dụng tình dục và bán các bộ phận cơ thể.

Nguyên tắc 12

Các nước tiếp nhận người nhập cư hợp pháp cần đối xử đúng đắn và cung cấp dịch vụ phúc lợi xã hội hợp lý cho họ và gia đình, và phải đảm bảo an toàn và an ninh cho họ, lưu ý đến những hoàn cảnh và nhu cầu đặc biệt của các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, cố gắng đáp ứng các mục tiêu hoặc yêu cầu này của những người nhập cư không có giấy tờ, phù hợp với các quy định của công ước và các văn kiện, văn bản quốc tế có liên quan. Các quốc gia cần đảm bảo tất cả các quyền con người cơ bản cho mọi người di cư như quy định trong Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người của Liên hợp quốc.

Nguyên tắc 15

Duy trì tăng trưởng kinh tế, trong bối cảnh phát triển bền vững, và tiến bộ xã hội đòi hỏi sự tăng trưởng đó phải sâu rộng, tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả mọi người. Tất cả các nước phải công nhận trách nhiệm chung và riêng của quốc gia mình. Các nước phát triển phải đảm nhận trách nhiệm của mình trong quá trình theo đuổi các mục tiêu phát triển bền vững trên toàn thế giới, và không ngừng tăng cường nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và thu hẹp sự mất cân bằng trên nguyên tắc có lợi chung cho tất cả các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển.

Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển nhấn mạnh cơ sở hành động, mục tiêu và những hành động vì phát triển dân số bền vững dựa trên những nguyên tắc này. Toàn bộ Chương trình hành động đều phù hợp, nhưng một số điểm chính được nhấn mạnh dưới đây:

Hành động

3.16 Đặc biệt chú ý đến cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội của phụ nữ nghèo ở các nước phát triển và đang phát triển. Lý do là phụ nữ thường là những người nghèo nhất trong những người nghèo trong khi họ là yếu tố chủ chốt trong quá trình phát triển, loại bỏ sự phân biệt mang tính xã hội, văn hóa, chính trị và kinh tế đối với phụ nữ là điều kiện tiên quyết

để xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững trong bối cảnh phát triển bền vững, đảm bảo các dịch vụ kế hoạch gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản có chất lượng tốt, và đạt được sự cân bằng giữa dân số và các nguồn lực sẵn có với mô hình tiêu dùng và sản xuất bền vững.

3.8 Cam kết chính trị thực hiện các chiến lược dân số và phát triển tích hợp cần được tăng cường thông qua các chương trình giáo dục và thông tin tuyên truyền và bằng cách tăng phân bổ nguồn lực thông qua hợp tác giữa Chính phủ các nước, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân, và nâng cao cơ sở kiến thức thông qua nghiên cứu và xây dựng năng lực ở cấp quốc gia và địa phương.

Mục tiêu

4.16 Mục tiêu nhằm:

- Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với trẻ em gái và những nguyên nhân căn bản của tình trạng trọng nam vốn là nguyên nhân dẫn đến những thực hành có hại và phi đạo đức như giết trẻ sơ sinh là gái và lựa chọn giới tính thai nhi trước khi sinh;
- Nâng cao nhận thức của xã hội về giá trị của trẻ em gái, và đồng thời, nâng cao hình ảnh về bản thân, lòng tự tôn và vị thế của các trẻ em gái;
- Cải thiện phúc lợi xã hội cho trẻ em gái, đặc biệt là các lĩnh vực y tế, dinh dưỡng và giáo dục.

4.3 Mục tiêu nhằm:

- Đạt được bình đẳng và công bằng dựa trên mối quan hệ đối tác hài hòa giữa nam giới và phụ nữ và giúp phụ nữ thực hiện được đầy đủ tiềm năng của họ;
- Đảm bảo tăng cường đóng góp của phụ nữ cho phát triển bền vững thông qua việc phụ nữ tham gia đầy đủ vào quá trình hoạch định chính sách và ra quyết định ở tất cả các giai đoạn và tham gia vào mọi lĩnh vực sản xuất, việc làm, hoạt động tạo thu nhập, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ, thể thao, văn hóa và các hoạt

động liên quan đến dân số và các lĩnh vực khác, dưới vai trò là những người đưa ra quyết định tích cực, người tham gia và hưởng lợi;

- (c) Đảm bảo tất cả phụ nữ, cũng như nam giới, được tiếp cận với giáo dục cần thiết để họ đáp ứng được nhu cầu cơ bản của con người và thực hiện quyền con người của mình.

5.2 Mục tiêu nhằm:

- (a) Xây dựng chính sách và pháp luật để hỗ trợ tốt hơn cho gia đình, góp phần vào sự ổn định của gia đình và xem xét đến tính đa dạng về các loại hình gia đình, đặc biệt là số lượng ngày càng tăng của các gia đình cha mẹ đơn thân;
- (b) Thiết lập các biện pháp an sinh xã hội giải quyết các yếu tố xã hội, văn hóa và kinh tế là nguyên nhân khiến cho chi phí nuôi dạy trẻ ngày càng tăng cao;
- (c) Tạo cơ hội công bằng cho các thành viên trong gia đình, đặc biệt là quyền của phụ nữ và trẻ em trong gia đình.

Tăng trưởng và Cơ cấu Dân số

Hành động

6.4 Các quốc gia cần quan tâm nhiều hơn đến tầm quan trọng của các xu thế dân số trong phát triển. Các quốc gia chưa hoàn thành quá trình chuyển đổi nhân khẩu học nên thực hiện các bước hiệu quả về vấn đề này trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội của quốc gia đó với sự tôn trọng đầy đủ các quyền con người. Các quốc gia đã kết thúc quá trình chuyển đổi nhân khẩu học nên có các bước đi cần thiết để tối ưu hóa các xu hướng nhân khẩu học trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Những bước đi này bao gồm phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo, đặc biệt ở những vùng nông thôn, cải thiện vị thế của phụ nữ, đảm bảo tiếp cận phổ cập giáo dục tiểu học và dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu có chất lượng, bao gồm các dịch vụ sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, và các chiến lược giáo dục về trách nhiệm của cha mẹ và giáo dục giới tính. Các quốc gia cần huy động tất cả các lực lượng xã hội tham gia

các hoạt động này, bao gồm các tổ chức phi chính phủ, các nhóm cộng đồng địa phương và khu vực tư nhân.

Mục tiêu

6.17 Mục tiêu nhằm:

- (a) Thông qua các cơ chế thích hợp, thúc đẩy khả năng tự lực của người cao tuổi, và tạo điều kiện nâng cao chất lượng cuộc sống, giúp họ sống và làm việc độc lập trong cộng đồng lâu nhất có thể và như họ mong muốn;
- (b) Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe cũng như các hệ thống an sinh xã hội và kinh tế cho người cao tuổi, và ở những nơi có thể, đặc biệt lưu ý đến nhu cầu của phụ nữ lớn tuổi;
- (c) Phát triển hệ thống hỗ trợ xã hội, cả chính thức và không chính thức, để nâng cao khả năng của các gia đình chăm sóc người cao tuổi ngay tại gia đình họ.

Quyền Sinh sản và Sức khỏe Sinh sản

Cơ sở hành động

7.2 Sức khỏe sinh sản là một trạng thái mạnh khỏe hoàn toàn về thể chất, tinh thần và xã hội, và không chỉ đơn thuần là không có bệnh hay thương tật, trong tất cả các vấn đề liên quan đến hệ thống sinh sản về chức năng và quy trình hoạt động. Do đó, sức khỏe sinh sản có nghĩa là mọi người đều có thể có một cuộc sống tình dục thỏa mãn và an toàn và họ có khả năng sinh sản và được tự do quyết định liệu có sinh đẻ không, và khi nào và tần suất họ thực hiện việc đó. Hàm ý trong điều kiện cuối cùng này là quyền của nam giới và phụ nữ được thông tin và có tiếp cận đến các biện pháp kế hoạch hóa gia đình an toàn, hiệu quả, kinh tế và có thể chấp nhận được theo lựa chọn của họ, cũng như được lựa chọn các biện pháp khác để điều chỉnh khả năng sinh sản mà không trái pháp luật, và quyền tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc y tế hợp lý giúp phụ nữ mang thai và sinh con an toàn và giúp các cặp vợ chồng có cơ hội tốt nhất để sinh ra một trẻ sơ sinh khỏe mạnh. Cũng như định nghĩa về sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe sinh sản được định nghĩa là hàng

loạt các phương pháp, kỹ thuật và dịch vụ hỗ trợ sự thỏa mãn và chăm sóc sức khỏe sinh sản bằng cách ngăn chặn và giải quyết các vấn đề sức khỏe sinh sản. Nó bao gồm sức khỏe tình dục, với mục đích nâng cao cuộc sống và mối quan hệ cá nhân, và không chỉ đơn thuần là tư vấn và chăm sóc liên quan đến sức khỏe sinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

7.3 Cùng các định nghĩa trên, quyền sinh sản bao gồm các quyền con người nhất định đã được ghi nhận trong luật pháp quốc gia, tài liệu và các văn bản đồng thuận khác về nhân quyền quốc tế. Những quyền này là các quyền cơ bản của các cặp vợ chồng và cá nhân được tự do quyết định và chịu trách nhiệm về số con, khoảng cách và thời gian sinh con và có thông tin và phương tiện để thực hiện việc này, và quyền để đạt được các tiêu chuẩn cao nhất về tình dục và sức khỏe sinh sản. Nó cũng bao gồm quyền của họ đưa ra quyết định liên quan đến sinh sản không bị kỳ thị, áp bức và bạo lực, như được đề cập trong các văn bản về quyền con người. Khi thực thi các quyền này, họ cần tính đến nhu cầu của cuộc sống và con cái trong tương lai và trách nhiệm của mình đối với cộng đồng. Tăng cường việc thực hiện có trách nhiệm các quyền này cho tất cả người dân là nền tảng cơ bản cho các chính sách và chương trình được chính phủ và cộng đồng hỗ trợ trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản, bao gồm cả kế hoạch gia đình. Là một phần không thể thiếu, cần tăng cường các mối quan hệ giới bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, đặc biệt để đáp ứng nhu cầu giáo dục và dịch vụ của thanh thiếu niên để họ có thể giải quyết nhu cầu tình dục của họ một cách tích cực và có trách nhiệm. Rất nhiều người trên thế giới không có được sức khỏe sinh sản bởi vì các yếu tố như: không có đầy đủ kiến thức về tình dục của con người và không có thông tin phù hợp hoặc thông tin sai lệch về sức khỏe sinh sản và các dịch vụ; sự phổ biến của hành vi tình dục có nguy cơ cao; hành động phân biệt đối xử trong xã hội; thái độ tiêu cực đối với phụ nữ và trẻ em gái; và năng lực hạn chế nhiều phụ nữ và trẻ em gái trong đời sống tình dục và sinh sản. Thanh thiếu niên đặc biệt dễ bị tổn thương bởi vì ở hầu hết các nước, họ thiếu thông tin và cách tiếp cận với các dịch vụ có liên quan. Phụ nữ và đàn ông lớn tuổi có vấn đề về sức khỏe

sinh sản và tình dục thường không được giải quyết một cách thỏa đáng.

Hành động

7.6 Tất cả các quốc gia cần phải nỗ lực để tất cả các cá nhân ở các độ tuổi thích hợp được tiếp cận với hệ thống chăm sóc sức khỏe ban đầu, sức khỏe sinh sản càng sớm càng tốt và không muộn hơn năm 2015. Chăm sóc sức khỏe sinh sản trong dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cần bao gồm: tư vấn, thông tin, giáo dục, truyền thông và dịch vụ về kế hoạch hóa gia đình; giáo dục và các dịch vụ chăm sóc trước khi sinh, sinh đẻ an toàn và chăm sóc sau sinh, đặc biệt là nuôi con bằng sữa mẹ và chăm sóc sức khỏe trẻ sơ sinh và sản phụ; phòng ngừa và điều trị hiệu quả vô sinh; phá thai như quy định tại khoản 8.25, bao gồm ngăn chặn phá thai và ngăn ngừa hậu quả của việc phá thai; điều trị các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh dục; các bệnh lây qua đường tình dục và tình trạng sức khỏe sinh sản khác; và sàng lọc truyền thông, giáo dục và tư vấn một cách phù hợp về tình dục, sức khỏe sinh sản và trách nhiệm của cha mẹ. Giới thiệu các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và chẩn đoán sớm và điều trị các biến chứng của thai kỳ, sinh nở và phá thai, vô sinh, các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh dục, ung thư vú và ung thư bộ phận sinh dục, bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS theo yêu cầu. Tích cực ngăn chặn những hoạt động nguy hiểm, như cắt âm vật, cũng nên là một phần không thể thiếu trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu, bao gồm các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản.

7.7 Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản cần được thiết kế nhằm phục vụ nhu cầu của phụ nữ, bao gồm cả thanh thiếu niên, cần phải có sự có mặt của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo, lập kế hoạch, ra quyết định, quản lý, thực hiện, tổ chức và đánh giá các dịch vụ. Chính phủ các nước và các tổ chức khác nên có những biện pháp tích cực để đưa phụ nữ tham gia vào hệ thống chăm sóc sức khỏe ở tất cả các cấp.

7.8 Cần xây dựng các chương trình mang tính đổi mới để đưa thông tin, tư vấn và dịch vụ sức khỏe sinh sản tiếp cận tới thanh thiếu niên và nam giới trưởng thành. Các chương trình này phải vừa giáo dục và cho phép nam giới chia sẻ việc kế hoạch hóa gia đình và

trách nhiệm gia đình và nuôi dạy con bình đẳng hơn với phụ nữ trong gia đình và chấp nhận vai trò chính cho việc phòng chống các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục. Các chương trình phải tiếp cận nam giới ở nơi làm việc, ở nhà và những nơi họ tụ tập để giải trí. Trẻ em trai và nam thanh thiếu niên cần được tiếp cận thông qua trường học, các tổ chức thanh niên và bất cứ nơi nào họ tụ tập, với sự hỗ trợ và hướng dẫn của cha mẹ và phù hợp với Công ước về quyền trẻ em. Các biện pháp tránh thai tự nguyện và phù hợp cho nam giới, cũng như các biện pháp phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục, bao gồm cả AIDS, cần được tuyên truyền và tiếp cận tới thông tin và tư vấn đầy đủ.

7.9 Các chính phủ cần khuyến khích cộng đồng tham gia nhiều hơn vào các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản bằng cách phân cấp quản lý các chương trình y tế công cộng và bằng cách hình thành các liên doanh hợp tác giữa các tổ chức phi chính phủ địa phương và các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế tư nhân. Tất cả các tổ chức phi chính phủ, bao gồm các nhóm phụ nữ địa phương, công đoàn, hợp tác xã, nhóm thanh niên và các nhóm tôn giáo, nên được khuyến khích tham gia nâng cao sức khỏe sinh sản.

7.10 Nếu không có sự ủng hộ quốc tế cho các chương trình ở các nước đang phát triển, cộng đồng quốc tế cần xem xét đến việc đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp các biện pháp tránh thai tạm thời theo yêu cầu và nhu cầu của các nước đang chuyển đổi từ quản lý tập trung sang nền kinh tế thị trường nơi có dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản kém và trong một số trường hợp còn rất tồi. Đồng thời, những quốc gia đó cũng phải giành quyền ưu tiên cao hơn cho các dịch vụ sức khỏe sinh sản, bao gồm cung cấp một loạt các biện pháp tránh thai, và phải giải quyết sự phụ thuộc hiện tại vào việc phá thai để giảm sinh bằng cách cung cấp nhiều thông tin hơn và đưa ra nhiều lựa chọn hơn cho phụ nữ ở các nước đó trong trường hợp khẩn cấp.

7.11 Những người di cư và di tản ở nhiều nơi trên thế giới rất hạn chế trong việc tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và có thể phải đối mặt với mối đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe và quyền sinh sản của

họ. Các dịch vụ phải đặc biệt linh hoạt với nhu cầu của các cá nhân phụ nữ và vị thành niên và đáp ứng với tình huống thường bất lực của họ, đặc biệt chú ý đến những người là nạn nhân của bạo lực tình dục.

Kế hoạch hóa gia đình

Cơ sở hành động

7.12 Mục tiêu của chương trình kế hoạch hóa gia đình là giúp các cặp vợ chồng, cá nhân có thể quyết định một cách tự do và có trách nhiệm về số con và khoảng cách giữa các lần sinh con của họ và được tiếp cận với thông tin và phương tiện để thực hiện điều đó và đảm bảo những sự lựa chọn dựa trên đầy đủ thông tin và sẵn sàng cung cấp đầy đủ các phương pháp an toàn và hiệu quả. Sự thành công của các chương trình giáo dục dân số và các chương trình kế hoạch hóa gia đình trong nhiều hoàn cảnh cho thấy các cá nhân được thông tin ở khắp mọi nơi có thể và sẽ hành động có trách nhiệm theo nhu cầu riêng của họ và nhu cầu của gia đình và cộng đồng họ. Nguyên tắc lựa chọn tự do theo thông tin là điều cần thiết cho sự thành công lâu dài của chương trình kế hoạch hóa gia đình. Không được áp dụng bất kỳ hình thức ép buộc nào. Tất cả các xã hội đều có các biện pháp khuyến khích hoặc không khuyến khích về kinh tế xã hội có ảnh hưởng đến các quyết định của cá nhân về sinh đẻ và quy mô gia đình. Trong suốt thế kỷ qua, nhiều chính phủ đã thử nghiệm các chương trình như vậy, đưa ra những khuyến khích và không khuyến khích cụ thể, nhằm giảm hoặc tăng mức sinh.

Hầu hết các chương trình như vậy chỉ có tác động cận biên đến khả năng sinh sản và trong một số trường hợp đã phản tác dụng. Mục tiêu của chính phủ đối với việc kế hoạch hóa gia đình nên được xác định trên nhu cầu về thông tin và dịch vụ chưa được đáp ứng. Các mục tiêu dân số, mặc dù là một chủ đề hợp pháp trong các chiến lược phát triển của chính phủ, không nên áp đặt chỉ tiêu hay số lượng khách hàng lên các nhà cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

7.13 Trong ba thập kỷ qua, ngày càng có nhiều các biện pháp tránh thai hiện đại và an toàn, mặc dù vẫn chưa đầy đủ trong một phạm vi nào đó, đã tạo nhiều cơ hội hơn cho các cá

nhân lựa chọn và chịu trách nhiệm với những quyết định về sinh đẻ ở phần lớn các khu vực trên thế giới. Hiện tại, khoảng 55 phần trăm của các cặp vợ chồng trong các nước đang phát triển sử dụng một biện pháp phương pháp kế hoạch hóa gia đình nào đó. Nó đã tăng gấp năm lần kể từ những năm 1960. Các chương trình kế hoạch hóa gia đình đã góp phần đáng kể giảm mức sinh trung bình ở các nước đang phát triển, từ khoảng sáu đến bảy con trên một phụ nữ trong những năm 1960 xuống khoảng 3-4 con hiện nay. Tuy nhiên, các biện pháp kế hoạch hóa gia đình hiện đại vẫn chưa thể tiếp cận đến ít nhất 350 triệu cặp vợ chồng trên toàn thế giới, nhiều người trong số đó nói rằng họ muốn tăng khoảng cách giữa các lần sinh hoặc muốn tránh thai. Số liệu điều tra cho thấy sẽ có thêm khoảng 120 triệu phụ nữ khác trên toàn thế giới sử dụng một biện pháp kế hoạch hóa gia đình hiện đại nếu họ dễ dàng tiếp cận với thông tin chính xác hơn và các dịch vụ giá cả phải chăng, và nếu chồng, gia đình và cộng đồng hỗ trợ nhiều hơn. Những con số này không bao gồm số lượng đáng kể và ngày càng tăng các phụ nữ chưa lập gia đình có quan hệ tình dục cũng muốn và có nhu cầu tiếp cận thông tin và dịch vụ. Trong thập niên những năm 1990, số lượng các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh sản sẽ tăng thêm khoảng 18 triệu mỗi năm. Để đáp ứng nhu cầu của họ và thu hẹp khoảng cách lớn hiện nay, việc cung cấp dịch vụ, các biện pháp tránh thai và kế hoạch hóa gia đình sẽ cần phải được mở rộng rất nhanh chóng trong vài năm tới. Chất lượng của các chương trình kế hoạch hóa gia đình thường có liên hệ trực tiếp đến mức độ và việc duy trì sử dụng các biện pháp tránh thai và nhu cầu sử dụng dịch vụ ngày càng tăng. Các chương trình kế hoạch hóa gia đình hoạt động tốt nhất khi nó là một phần của hoặc liên kết chặt chẽ với các chương trình sức khỏe sinh sản lớn hơn nhằm đáp ứng các nhu cầu sức khỏe có liên quan, và khi phụ nữ được tham gia đầy đủ vào quá trình thiết kế, cung cấp, quản lý và đánh giá các dịch vụ.

Hành động

7.15 Các chính phủ và cộng đồng quốc tế cần phải sử dụng đầy đủ các phương tiện sẵn có trên nguyên tắc tự nguyện lựa chọn biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

7.16 Trong vài năm tới, tất cả các quốc gia phải đánh giá nhu cầu về các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có chất lượng tốt chưa được đáp ứng và khả năng tích hợp nó vào các chương trình sức khỏe sinh sản, đặc biệt chú ý đến các nhóm dễ bị tổn thương và nhóm chưa được sử dụng dịch vụ. Tất cả các quốc gia cần tiếp tục đáp ứng các nhu cầu về kế hoạch hóa gia đình của người dân càng sớm càng tốt và cho đến năm 2015, cần phải đảm bảo được tiếp cận toàn dân tới đầy đủ các biện pháp kế hoạch hóa gia đình an toàn, đáng tin cậy và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản có liên quan và không trái pháp luật. Mục đích là để giúp các cặp vợ chồng và cá nhân có thể đạt được những mục tiêu sinh sản và cung cấp cho họ đầy đủ cơ hội thực hiện quyền có con theo lựa chọn của mình.

7.17 Chính quyền các cấp cần phải thiết lập các hệ thống giám sát và đánh giá dịch vụ lấy người sử dụng làm trung tâm nhằm phát hiện, ngăn chặn và kiểm soát sự lạm dụng của các nhà quản lý và các nhà cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và đảm bảo liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ. Để đạt được điều này, các Chính phủ cần đảm bảo tuân thủ các quyền con người và các tiêu chuẩn đạo đức và chuyên môn trong việc cung cấp các biện pháp kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản có liên quan với mục đích đảm bảo sự đồng thuận có trách nhiệm, tự nguyện và dựa trên đầy đủ thông tin và tuân theo đúng quy định của dịch vụ. Kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm cần phải được cung cấp tuân theo những chuẩn mực về đạo đức và y tế.

7.18 Các tổ chức phi chính phủ cần đóng một vai trò tích cực trong việc huy động hỗ trợ của cộng đồng và gia đình giúp tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản bao gồm kế hoạch hóa gia đình, và hợp tác với các chính phủ trong quá trình chuẩn bị và cung cấp dịch vụ chăm sóc, dựa trên sự lựa chọn đã có đầy đủ thông tin, và giúp giám sát các chương trình của chính phủ và tư nhân, bao gồm cả của chính họ.

7.19 Với nỗ lực để đáp ứng những nhu cầu chưa được đáp ứng, tất cả các quốc gia phải xác định và xóa bỏ tất cả những rào cản lớn còn tồn tại đối với việc sử dụng các dịch vụ

kế hoạch hóa gia đình. Một số những rào cản này liên quan đến sự bất cập, kém chất lượng và chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình hiện có. Các tổ chức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình công, tư nhân và phi chính phủ cần đặt mục tiêu đến năm 2005 là xóa bỏ được tất cả các rào cản có liên quan đến việc sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình thông qua việc thiết kế lại, mở rộng thông tin và dịch vụ, và bằng các biện pháp khác tăng khả năng các cặp vợ chồng và cá nhân đưa ra quyết định, một cách tự do và dựa trên cơ sở được cung cấp đầy đủ thông tin, về số con, khoảng cách và thời gian của các lần sinh và tự bảo vệ mình khỏi các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

7.20 Cụ thể, chính phủ cần phải hỗ trợ các cặp vợ chồng, cá nhân chịu trách nhiệm về việc chăm sóc sức khỏe sinh sản của bản thân bằng cách loại bỏ các rào cản pháp lý, y tế, lâm sàng và quy định không cần thiết giúp họ tiếp cận thông tin và các dịch vụ và biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

7.22 Khuyến khích các chính phủ tập trung nỗ lực để hướng tới mục tiêu dân số và phát triển thông qua các biện pháp giáo dục và tự nguyện chứ không phải thông qua việc đặt ra các cơ chế khuyến khích hoặc không khuyến khích sinh.

7.23 Trong các năm tới, tất cả các chương trình kế hoạch hóa gia đình cần nỗ lực hơn nữa để nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc. Trong số các biện pháp khác, các chương trình cần phải:

- (a) Nhận thức rằng mỗi cặp vợ chồng, cá nhân sẽ có các biện pháp phù hợp khác nhau phải tùy thuộc vào độ tuổi, sự bình đẳng, sở thích về quy mô gia đình và các yếu tố khác, và đảm bảo cho phụ nữ và nam giới có đầy đủ thông tin và tiếp cận với nhiều các biện pháp kế hoạch hóa gia đình an toàn và hiệu quả nhất có thể cho phép họ tự do lựa chọn dựa trên đầy đủ thông tin đã được cung cấp;
- (b) Cung cấp thông tin dễ truy cập, đầy đủ và chính xác về các biện pháp kế hoạch hóa gia đình khác nhau, bao gồm cả rủi ro và lợi ích về sức khỏe, tác dụng phụ có thể xảy ra và hiệu

quả trong việc ngăn ngừa sự lây lan của HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục khác;

- (c) Làm cho các dịch vụ an toàn hơn, giá cả phải chăng, thuận tiện hơn và dễ tiếp cận hơn cho khách hàng và đảm bảo, thông qua hệ thống hậu cần tăng cường có thể cung cấp đầy đủ và liên tục các biện pháp tránh thai cần thiết chất lượng cao. Cần đảm bảo tính riêng tư và bảo mật thông tin;
- (d) Mở rộng và nâng cao đào tạo chính quy và không chính quy về quy trình chăm sóc sức khỏe tình dục và sinh sản và kế hoạch hóa gia đình cho tất cả các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cán bộ đào tạo y tế và các nhà quản lý, bao gồm cả đào tạo thông qua giao tiếp cá nhân và tư vấn;
- (e) Đảm bảo theo dõi chăm sóc sau khi sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình, bao gồm cả điều trị tác dụng phụ của sử dụng biện pháp tránh thai;
- (f) Đảm bảo cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản có liên quan tại chỗ hoặc thông qua một cơ chế chuyển gửi;
- (g) Bên cạnh các biện pháp định lượng đánh giá hoạt động, cần chú trọng hơn đến các biện pháp định tính để xem xét đến quan điểm của người sử dụng dịch vụ hiện tại và tiềm năng thông qua các phương tiện như hệ thống quản lý thông tin hiệu quả và các kỹ thuật điều tra để đánh giá kịp thời về dịch vụ;
- (h) Các chương trình kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản nên nhấn mạnh vào giáo dục và dịch vụ hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ, có thể đồng thời đưa thêm thông tin về khoảng cách sinh, chăm sóc tốt hơn sức khỏe bà mẹ và trẻ em, và đóng góp làm tăng tỷ lệ trẻ sinh sống.

Phân bổ dân số và phát triển bền vững

9.2 [...] các chính sách phân bổ dân cư hiệu quả là các chính sách có tính đến tác động của chiến lược phát triển trong phân bổ dân cư, đồng thời tôn trọng quyền của cá nhân

được sống và làm việc trong cộng đồng mà họ lựa chọn. Đô thị hóa có ý nghĩa sâu sắc đối với đời sống, lối sống và các giá trị của cá nhân. Đồng thời, di cư cũng gây ra ảnh hưởng - cả tích cực và tiêu cực - về kinh tế, xã hội và môi trường cho cả những nơi đi và nơi đến.

9.5 Để giảm bớt hướng phát triển quá tập trung vào đô thị và xa lánh nông thôn, chính phủ nên xem xét tính khả thi của việc đưa ra những ưu đãi để khuyến khích việc tái phân bố và tái định cư của các ngành nghề và các doanh nghiệp từ thành thị về nông thôn và khuyến khích thành lập các doanh nghiệp mới, các đơn vị công nghiệp và các dự án tạo ra thu nhập cho vùng nông thôn.

9.6 Các chính phủ mong muốn đưa ra giải pháp để giảm di cư từ nông thôn cần phải xây dựng các điều kiện tiên quyết cho sự phát triển ở các vùng nông thôn, hỗ trợ tích cực cho việc tiếp cận quyền sở hữu hoặc sử dụng đất và quyền được sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt là cho các hộ gia đình, thực hiện và khuyến khích đầu tư để tăng năng suất ở vùng nông thôn, cải thiện cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội ở nông thôn và tạo điều kiện cho việc thành lập hợp tác xã tín dụng, sản xuất, tiếp thị và các tổ chức cơ sở khác giúp người dân kiểm soát tốt hơn các nguồn lực và cải thiện sinh kế cho họ. Đặc biệt chú ý đảm bảo cơ hội cho các gia đình di cư còn lại trong khu vực gốc của họ.

9.7 Chính phủ phải theo đuổi chiến lược phát triển đưa ra những lợi ích thiết thực cho các nhà đầu tư và nhà sản xuất tại các khu vực nông thôn. Chính phủ cũng nên tìm cách giảm bớt những rào cản về thương mại quốc tế đối với sản phẩm nông nghiệp.

Giáo dục, dân số và phát triển bền vững

Cơ sở Hành động

11.2 Giáo dục là một yếu tố quan trọng cho phát triển bền vững: đồng thời cũng là một thành tố của hạnh phúc và một yếu tố trong sự phát triển hạnh phúc thông qua mối liên kết với các yếu tố nhân khẩu học cũng như kinh tế xã hội. Giáo dục là phương tiện cho phép các cá nhân tiếp cận với kiến thức, và

là một điều kiện tiên quyết để đối phó với thế giới phức tạp ngày nay cho bất cứ ai có nhu cầu thực hiện nó. Việc giảm tỷ lệ sinh, tỷ lệ mắc bệnh và tử vong, trao quyền cho phụ nữ, nâng cao chất lượng lực lượng lao động và phát huy dân chủ chủ yếu đạt được nhờ những tiến bộ trong giáo dục. Sự hòa nhập của người di cư cũng được phổ cập giáo dục hỗ trợ, bằng việc tôn trọng tôn giáo và văn hóa của họ.

11.3 Mối quan hệ giữa giáo dục và những thay đổi về nhân khẩu học và xã hội là những yếu tố phụ thuộc lẫn nhau. Có một mối quan hệ chặt chẽ và phức tạp giữa giáo dục, tuổi kết hôn, sinh, chết, di trú và hoạt động. Ngày càng có nhiều phụ nữ và trẻ em gái được đi học góp phần nâng cao vị thế của phụ nữ, tăng tuổi kết hôn và làm giảm quy mô của các gia đình. Khi người mẹ được giáo dục tốt hơn, tỷ lệ sống sót của con em họ có xu hướng tăng. Được học tập nhiều hơn cũng là một yếu tố của quá trình di cư nội bộ và thay đổi thành phần của lực lượng lao động.

Hành động

11.9 Để đạt được hiệu quả nhất, giáo dục về các vấn đề dân số phải được bắt đầu từ bậc tiểu học và tiếp tục ở tất cả các cấp học cả chính quy và không chính quy, có tính đến quyền lợi và trách nhiệm của cha mẹ và nhu cầu của trẻ em và thanh thiếu niên. Khi có các chương trình này, chương trình giảng dạy cần được rà soát, cập nhật và mở rộng để có thể đề cập đầy đủ các vấn đề quan trọng như vấn đề nhạy cảm về giới, sự lựa chọn và trách nhiệm sinh sản, và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, kể cả HIV/AIDS. Để đảm bảo cộng đồng chấp nhận các chương trình giáo dục dân số, các dự án giáo dục dân số cần nhấn mạnh việc tham vấn các bậc cha mẹ và các nhà lãnh đạo cộng đồng.

11.10 Tăng cường các nỗ lực đào tạo các chuyên gia dân số ở các trường đại học và khuyến khích kết hợp các nội dung liên quan đến các biến số nhân khẩu học và mối quan hệ qua lại của chúng với quy hoạch phát triển các lĩnh vực xã hội và kinh tế, cũng như sức khỏe và môi trường.

Thông tin dân số, giáo dục và truyền thông

Cơ sở hành động

11.11 Càng có nhiều người hiểu về vấn đề, cùng chia sẻ và cam kết thực hiện ở tất cả các cấp, từ cá nhân đến quốc tế, là rất quan trọng giúp đạt được các mục đích và mục tiêu của Chương trình hành động hiện tại. Do đó, ở tất cả các nước và tất cả các nhóm cần phải tăng cường các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến vấn đề dân số và phát triển bền vững. Điều này bao gồm xây dựng các kế hoạch và chiến lược thông tin, giáo dục và truyền thông các thông tin nhạy cảm về giới và văn hóa liên quan đến dân số và phát triển. Ở cấp quốc gia, thông tin đầy đủ và phù hợp hơn giúp cho các nhà lập kế hoạch và các nhà hoạch định chính sách đưa ra các kế hoạch và quyết định phù hợp hơn liên quan đến dân số và phát triển bền vững. Ở cấp thấp nhất, thông tin đầy đủ và thích hợp hơn có lợi cho việc đưa ra quyết định có trách nhiệm và dựa trên thông tin đã được thông báo liên quan đến sức khỏe, hành vi tình dục và sinh sản, cuộc sống gia đình, và mô hình sản xuất và tiêu dùng. Ngoài ra, thông tin ngày càng tốt hơn về nguyên nhân và lợi ích của việc di cư có thể tạo ra môi trường tích cực hơn cho xã hội để giải quyết và đáp ứng những thách thức của vấn đề di cư.

11.12 Thông tin, giáo dục và truyền thông hiệu quả là điều kiện tiên quyết cho sự phát triển con người bền vững và mở đường cho sự thay đổi thái độ và hành vi. Thật vậy, điều này bắt đầu từ nhận thức rằng quyết định về số lượng và khoảng cách giữa các lần sinh con và các khía cạnh khác của cuộc sống hàng ngày, bao gồm cả hành vi tình dục và sinh sản phải được đưa ra một cách tự do, có trách nhiệm và dựa trên thông tin được cung cấp đầy đủ. Có nhiều người hiểu về vấn đề và cam kết trên cơ sở dân chủ là điều thuận lợi để có các quyết định và hành vi có

trách nhiệm và dựa trên các thông tin được cung cấp. Quan trọng nhất, điều này cũng mở đường cho việc thảo luận công khai, dân chủ và từ đó thực hiện cam kết chính trị mạnh mẽ và hỗ trợ cho các hoạt động cần thiết ở cấp địa phương, quốc gia và quốc tế.

Hành động

11.16 Các nỗ lực về thông tin, giáo dục và truyền thông giúp nâng cao nhận thức thông qua các chiến dịch giáo dục cộng đồng về các vấn đề ưu tiên như: làm mẹ an toàn, sức khỏe và quyền sinh sản, sức khỏe của bà mẹ và trẻ em và kế hoạch hóa gia đình, phân biệt đối xử và hạ thấp vị thế của trẻ em gái và người khuyết tật; lạm dụng trẻ em; bạo lực đối với phụ nữ; trách nhiệm của nam giới, bình đẳng giới; bệnh lây truyền qua đường tình dục, bao gồm cả HIV/AIDS; hành vi tình dục có trách nhiệm; mang thai tuổi vị thành niên; phân biệt chủng tộc và bài ngoại; già hóa dân số; mô hình sản xuất và tiêu dùng không bền vững. Ở tất cả các xã hội, cần tập trung giáo dục thêm về tác động giữa dân số và môi trường giúp thay đổi hành vi và lối sống của người tiêu dùng và thúc đẩy quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các phương tiện truyền thông phải là một công cụ chính giúp mở rộng kiến thức và động lực.

11.19 Chiến lược tiếp cận phối hợp giữa thông tin, giáo dục và truyền thông cần được áp dụng để tối đa hóa tác động của hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông khác nhau, cả theo cách hiện đại và truyền thống, có thể được thực hiện trên nhiều mặt trận với các diễn viên và khán giả khác nhau. Đặc biệt quan trọng là chiến lược thông tin, giáo dục và truyền thông được liên kết, bổ sung cho chính sách và chiến lược quốc gia về dân số và phát triển và một loạt các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, bao gồm kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe tình dục, nhằm nâng cao việc sử dụng dịch vụ và chất lượng tư vấn và chăm sóc.

UNFPA: Xây dựng một thế giới mà ở đó mỗi
thai nhi đều được mong đợi, mỗi ca sinh nở đều
được an toàn, và mỗi người trẻ tuổi đều được
phát triển hết tiềm năng của mình.



Quý dân số liên hợp quốc tại Việt Nam

Địa chỉ: Ngôi Nhà Xanh Liên Hợp Quốc (GOUNH)

304 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội

ĐT: +84 (04) 3850 0100 - Fax: +84 (04) 3726 5520

Website: <http://www.vietnam.unfpa.org>

Ảnh bìa: UNFPA và UNFPA/ Nguyễn Minh Đức